



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 37 + 38

Ngày 30 tháng 07 năm 2025

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HĐND TỈNH

17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 115/2025/NQ-HĐND quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	4
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 116/2025/NQ-HĐND bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020	10
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 117/2025/NQ-HĐND quy định nội dung, mức chi đối với các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La	11
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 118/2025/NQ-HĐND bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020	19
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 119/2025/NQ-HĐND sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La	20

17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 120/2025/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La	22
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 121/2025/NQ-HĐND quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.	28
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 122/2025/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sơn La	32
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 123/2025/NQ-HĐND quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.	39
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 124/2025/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học trên địa bàn tỉnh Sơn La.	47
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 125/2025/NQ-HĐND bãi bỏ các nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại Quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND	49

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 523/NQ-HĐND về chương trình giám sát năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La	51
------------	---	----

16/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 524/NQ-HĐND thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét, giải quyết từ Kỳ họp thứ 10 đến Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	53
17/07/2025	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 525/NQ-HĐND về việc giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021-2026	55

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 115/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT**Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với
các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

Xét Tờ trình số 381/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025, Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách địa phương hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư

số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối với chi công tác phí

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Sơn La.

- Đại biểu HĐND các cấp khi tham gia hoạt động của HĐND.

b) Đối với chi hội nghị

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 45/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND và cuộc họp các Ban của HĐND.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

c) Riêng Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc, hội nghị của các cơ quan thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam, kỳ họp Quốc hội, họp Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, phiên họp Ủy ban thường vụ Quốc hội thực hiện theo quy định riêng của cấp có thẩm quyền.

Điều 2. Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La

(chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị. Các cơ quan, đơn vị thực hiện chi công tác phí, chi hội nghị theo chế độ, định mức quy định tại Nghị quyết này, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, chỉ được chi trong dự toán được giao theo định mức phân bổ ngân sách đã được HĐND tỉnh quyết nghị.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2025.
2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 86/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 60/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ hội nghị trên địa bàn tỉnh Sơn La.
3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI CÔNG TÁC PHÍ, CHI HỘI NGHỊ
ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND
ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

1. Mức chi công tác phí

1.1. Phụ cấp lưu trú

a) Đi công tác, mức chi: 300.000 đồng/ngày/người.

b) Đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo

Mức phụ cấp lưu trú trả cho người đi công tác: 400.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (*áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo*).

1.2. Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ

1.2.1. Thanh toán khoán tiền thuê phòng nghỉ

a) Đi công tác trong tỉnh

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên: 800.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các phường: 420.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các xã: 400.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các phường: 350.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các xã: 300.000 đồng/ngày/người.

b) Đi công tác ngoài tỉnh

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 trở lên: 1.600.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác;

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 800.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 600.000 đồng/ngày/người.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 600.000 đồng/ngày/người.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 500.000 đồng/ngày/người.

1.2.2. Thanh toán tiền thuê phòng theo hóa đơn thực tế

a) Đi công tác trong tỉnh

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo 1,40: 1.600.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng;

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,30: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,20: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: 900.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

b) Đi công tác ngoài tỉnh

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo 1,40: 2.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng, không phân biệt nơi đến công tác;

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 1,25 đến 1,30:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 2.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Cán bộ lãnh đạo được hưởng hệ số phụ cấp chức vụ theo chức danh lãnh đạo từ 0,8 đến 1,20:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.200.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 800.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn một người/một phòng.

- Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại:

+ Đi công tác tại các thành phố trực thuộc trung ương: 1.400.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

+ Đi công tác tại các tỉnh: 1.100.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn hai người/một phòng.

1.3. Thanh toán khoản tiền công tác phí theo tháng

- Đối với cán bộ cấp xã thường xuyên phải đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc các cơ quan, đơn vị còn lại phải thường xuyên đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng thì

được thanh toán khoản tiền hỗ trợ tiền gửi xe, xăng xe theo mức tối đa 700.000 đồng/người/tháng và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị;

- Các đối tượng được hưởng khoản tiền công tác phí theo tháng nếu được cấp có thẩm quyền cử đi thực hiện nhiệm vụ theo các đợt công tác cụ thể, thì được thanh toán chế độ công tác phí theo quy định tại Nghị quyết này; đồng thời vẫn được hưởng khoản tiền công tác phí khoán theo tháng nếu đi công tác lưu động trên 10 ngày/tháng.

2. Mức chi hội nghị

2.1. Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau:

- Cuộc họp tổ chức tại các thành phố trực thuộc trung ương: 300.000 đồng/ngày/người.

- Cuộc họp tổ chức tại các tỉnh: 200.000 đồng/ngày/người.

- Cuộc họp do xã, phường tổ chức (*không phân biệt địa điểm tổ chức*): 150.000 đồng/ngày/người.

2.2. Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán:

- Hội nghị tại các thành phố trực thuộc trung ương, mức hỗ trợ: 600.000 đồng/ngày/người.

- Hội nghị tại các tỉnh, mức hỗ trợ: 500.000 đồng/ngày/người.

- Hội nghị tại các phường (trong tỉnh), mức hỗ trợ: 350.000 đồng/ ngày/người.

- Hội nghị tại các xã (trong tỉnh), mức hỗ trợ: 300.000 đồng/ngày/người.

2.3. Chi giải khát giữa giờ cho đại biểu dự hội nghị: 50.000 đồng/một buổi (nửa ngày)/đại biểu.

2.4. Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, Điều 1 Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 116/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016
của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 370/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 14 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ phát triển du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 117/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi đối với các hoạt động tuyên truyền,
văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BVHTTDL ngày 14 tháng 10 năm 2016 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về tổ chức thi, liên hoan văn nghệ quần chúng;

Xét Tờ trình số 414/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội, HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi đối với các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Quy định nội dung, mức chi đối với các hoạt động tuyên truyền, văn hoá, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi đối với các hoạt động tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, cấp xã; các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh Sơn La và tham gia các hoạt động cấp khu vực, toàn quốc của các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị tổ chức hoặc tham gia hoạt động văn hóa, tuyên truyền lưu động, ngày hội, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp tỉnh, cấp xã; đăng cai tổ chức hoặc tham gia hoạt động khu vực, toàn quốc, cụ thể:

a) Thành viên tham gia các đoàn nghệ thuật quần chúng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước của tỉnh, xã (phường) và bản, tiểu khu, tổ dân phố (*sau đây gọi chung là bản*) tham dự ngày hội, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp xã, cấp tỉnh, khu vực, toàn quốc.

b) Các nghệ nhân, diễn viên, cộng tác viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia hoạt động tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, cấp xã, khu vực và toàn quốc.

c) Các nghệ nhân, diễn viên, cộng tác viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước tham gia các hoạt động phục vụ nhiệm vụ chính trị do UBND tỉnh, UBND cấp xã giao (hoặc cơ quan được UBND tỉnh, UBND cấp xã ủy quyền).

d) Thành viên ban tổ chức; ban giám khảo, thư ký; dẫn chương trình; nhạc công; lực lượng bảo vệ; nhân viên y tế; nhân viên phục vụ tại ngày hội, hội thi, hội diễn, liên hoan nghệ thuật cấp xã, cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc.

Điều 2. Nội dung chi, mức chi: Có phụ lục I, II kèm theo.

Điều 3. Nguồn kinh phí

- Ngân sách tỉnh.
- Các nguồn thu hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- Nguồn xã hội hóa (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15/ tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh và Nghị quyết số 38/2022/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi một số nội dung của Nghị quyết số 43/2017/NQ-HĐND ngày 15 tháng 3 năm 2017 của HĐND tỉnh về quy định mức chi đối với các hoạt động văn hóa, nghệ thuật quần chúng trên địa bàn tỉnh.

2. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01**MỨC CHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, VĂN HÓA,
NGHỆ THUẬT QUẦN CHÚNG CẤP KHU VỰC, TOÀN QUỐC***(Kèm theo Nghị quyết số 117/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)*

TT	Nội dung chi	Mức chi		
		Cấp tỉnh	Cấp xã	
			Phường	xã
I	Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại, bồi dưỡng tập luyện và biểu diễn			
1	Trong thời gian tập luyện			
-	Tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ tư, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La
-	Phương tiện đi lại <i>(Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về)</i> Tùy điều kiện cụ thể có thể thanh toán theo 2 cách			
+	Hợp đồng thuê xe	Thanh toán theo hóa đơn thực tế		
+	Tự túc phương tiện	Thực hiện theo quy định tại điểm 2.4, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết		

TT	Nội dung chi	Mức chi		
		Cấp tỉnh	Cấp xã	
			Phường	xã
		số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La		
-	Tập luyện	60.000 đồng/người/buổi	50.000 đồng/người/buổi	
2	Trong thời gian biểu diễn, tham dự hoạt động			
-	Tiền ăn:	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ tư, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La
-	Phương tiện đi lại (Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về) tùy điều kiện cụ thể có thể thanh toán theo 2 cách			
+	Hợp đồng thuê xe	Thanh toán theo hóa đơn thực tế		
+	Tự túc phương tiện	Thực hiện theo quy định tại điểm 2.4, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La		

TT	Nội dung chi	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
			Phường xã
-	Biểu diễn	160.000 đồng/ người/buổi	120.000 đồng/ người/buổi
II	Tiền giải thưởng		
1	Cá nhân (Giải tiết mục)		
-	Giải A (Nhất)	1.000.000 đồng	600.000 đồng
-	Giải B (Nhì)	800.000 đồng	400.000 đồng
-	Giải C (Ba)	600.000 đồng	200.000 đồng
-	Giải khuyến khích	400.000 đồng	100.000 đồng
2	Đội với tập thể (Giải chương trình, giải toàn đoàn)		
-	Giải A (Nhất)	9.000.000 đồng	4.000.000 đồng
-	Giải B (Nhì)	7.000.000 đồng	3.000.000 đồng
-	Giải C (Ba)	5.000.000 đồng	2.000.000 đồng
-	Giải khuyến khích	3.000.000 đồng	1.000.000 đồng
3	Giải phụ khác	500.000 đồng	400.000 đồng
III	Tiền bồi dưỡng		
-	Ban tổ chức		
+	Trưởng ban	350.000 đồng/ người/ ngày	
+	Phó ban	300.000 đồng/ người/ ngày	
+	Thành viên	250.000 đồng/ người/ ngày	
-	Ban giám khảo, thư ký		
+	Trưởng ban	500.000 đồng/ người/ ngày	
+	Phó ban	400.000 đồng/ người/ ngày	
+	Thành viên, thư ký	300.000 đồng/ người/ ngày	
-	Dẫn chương trình, nhạc công	500.000 đồng/ người/ ngày	
-	Lực lượng bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ.	60.000 đồng/ người/ ngày	
IV	Hỗ trợ hóa trang	100.000 đồng/người/1 chương trình biểu diễn	

*** Lưu ý:**

- Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại, bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn (*việc thực hiện chế độ chi tiền thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại chỉ áp dụng cho các đối tượng được huy động, trung tập cách xa địa điểm tập luyện, biểu diễn từ 10 km trở lên*).

- Trường hợp một người được phân công nhiều nhiệm vụ khác nhau trong quá trình điều hành và tổ chức các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, nghệ thuật quân chúng chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

- Cấp nào tổ chức thì được hưởng chế độ theo cấp đó.

- Trường hợp các lực lượng tham gia tập luyện, biểu diễn 01 buổi trong ngày thì không được hưởng chế độ tiền ăn.

Phụ lục số 02**MỨC CHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG TUYÊN TRUYỀN, VĂN HÓA,
NGHỆ THUẬT QUẦN CHÚNG CẤP KHU VỰC, TOÀN QUỐC***(Kèm theo Nghị quyết số 117/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)*

TT	Nội dung chi	Mức chi	
1	Hỗ trợ trong thời gian tập luyện tại tỉnh		
-	Tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ ba, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Phương tiện đi lại (Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về) tùy điều kiện cụ thể có thể thanh toán theo 2 cách		
+	Hợp đồng thuê xe	Thanh toán theo hóa đơn thực tế	
+	Tự túc phương tiện	Thực hiện theo quy định tại điểm 2.4, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Tập luyện	60.000 đồng/người/buổi	
2	Hỗ trợ trong thời gian biểu diễn, tham dự hoạt động	Các thành phố trực thuộc Trung ương	Các tỉnh
-	Tiền ăn	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 2.1, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La

TT	Nội dung chi	Mức chi	
-	Thuê phòng nghỉ	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	Thực hiện theo quy định tại gạch đầu dòng thứ hai, điểm 2.2, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La
-	Phương tiện đi lại <i>(Chỉ được thanh toán 01 lần đi, về)</i> tùy điều kiện cụ thể có thể thanh toán theo 2 cách		
+	Hợp đồng thuê xe	Thanh toán theo hóa đơn thực tế	
+	Tự túc phương tiện	Thực hiện theo quy định tại điểm 2.4, khoản 2, phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La	
-	Biểu diễn	160.000đồng/người/buổi	
3	Hỗ trợ hóa trang	100.000 đồng/người/1 chương trình biểu diễn	

*** Lưu ý:**

- Chi hỗ trợ tiền ăn, thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại, bồi dưỡng tập luyện, biểu diễn (việc thực hiện chế độ chi tiền thuê phòng nghỉ, phương tiện đi lại chỉ áp dụng cho các đối tượng được huy động, trung tập cách xa địa điểm tập luyện, biểu diễn từ 10 km trở lên).

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 118/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10/12/2015 của
HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 368/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hoá - Xã hội, HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020

Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 124/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm tỉnh Sơn La giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 119/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND
ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh
nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo
chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 367/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La.

Điều 1. Sửa đổi một số điểm, khoản, điều 4 của Nghị quyết số 71/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đối với lưu học sinh nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang Việt Nam học tập theo chương trình hợp tác với tỉnh Sơn La

1. Sửa đổi cụm từ “Kết quả rèn luyện đạt xuất sắc hoặc giỏi và học tập đạt giỏi” bằng cụm từ “Kết quả rèn luyện đạt xuất sắc hoặc tốt và học tập đạt giỏi” tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 2.

2. Sửa đổi cụm từ “Kết quả rèn luyện đạt giỏi và học tập đạt khá” bằng cụm từ “Kết quả rèn luyện đạt xuất sắc hoặc tốt và học tập đạt khá” tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 2.”.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khoá XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 120/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 9/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật;

Xét Tờ trình số 413/TTr-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh trình dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật trên địa bàn tỉnh Sơn La theo điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 9/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động hoặc tham gia hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật gây ra trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 3. Đối tượng hỗ trợ

Cá nhân, hộ gia đình, chủ trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các cơ quan, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân (không bao gồm các doanh nghiệp vừa và nhỏ; các doanh nghiệp thuộc lực lượng vũ trang) có hoạt động trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật.

Điều 4. Mức hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật

1. Mức hỗ trợ đối với cây trồng, lâm nghiệp, thủy sản bị thiệt hại do thiên tai, dịch hại thực vật: Theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Mức hỗ trợ đối với vật nuôi bị thiệt hại (chết, mất tích) do thiên tai: Theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục I
MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN
BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 120/2025/NQ-HĐND
ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/ha)
I	ĐỐI VỚI CÂY TRỒNG BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT	
1	Diện tích lúa	
a	Sau gieo trồng từ 01 đến 10 ngày	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
b	Sau gieo trồng từ trên 10 ngày đến 45 ngày	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
c	Sau gieo trồng trên 45 ngày	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
2	Diện tích mạ	
a	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
b	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
3	Diện tích cây hằng năm khác	
a	Giai đoạn cây con (gieo trồng đến 1/3 thời gian sinh trưởng)	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	6.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	3.000.000
b	Giai đoạn cây đang phát triển (trên 1/3 đến 2/3 thời gian sinh trưởng)	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	10.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	5.000.000
c	Giai đoạn cận thu hoạch (trên 2/3 thời gian sinh trưởng)	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/ha)
4	Diện tích cây trồng lâu năm	
a	Vườn cây ở thời kỳ kiến thiết cơ bản	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	12.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	6.000.000
b	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại đến năng suất thu hoạch nhưng cây không chết	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
c	Vườn cây ở thời kỳ kinh doanh thiệt hại làm cây chết hoặc được đánh giá là cây không còn khả năng phục hồi trở lại trạng thái bình thường; vườn cây đầu dòng ở giai đoạn được khai thác vật liệu nhân giống	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	30.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	15.000.000
d	Cây giống trong giai đoạn vườn ươm được nhân giống từ nguồn vật liệu khai thác từ cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
II	ĐỐI VỚI LÂM NGHIỆP BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI, DỊCH HẠI THỰC VẬT	
1	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp mới trồng đến 1/2 chu kỳ khai thác	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	8.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	4.000.000
2	Diện tích cây rừng, cây lâm sản ngoài gỗ trồng trên đất lâm nghiệp trên 1/2 chu kỳ khai thác, diện tích rừng trồng gỗ lớn trên 03 năm tuổi	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	15.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	7.500.000
3	Diện tích vườn giống, rừng giống	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	20.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	10.000.000
4	Cây giống được ươm trong giai đoạn vườn ươm	
a	Nhóm cây sinh trưởng nhanh, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/ha)
	Thiệt hại trên 70% diện tích	40.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	20.000.000
b	Nhóm cây sinh trưởng chậm, có thời gian gieo ươm dưới 12 tháng tuổi	
	Thiệt hại trên 70% diện tích	60.000.000
	Thiệt hại từ 30% đến 70% diện tích	30.000.000
III	ĐỐI VỚI THỦY SẢN BỊ THIẾT HẠI DO THIÊN TAI (bao gồm nuôi trồng thủy sản, sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản)	
1	Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh, thâm canh trong ao	60.000.000
2	Nuôi trồng thủy sản trong bể, lồng, bè	30.000.000 (đồng/ 100m ³ thể tích)
3	Nuôi trồng thủy sản theo hình thức khác	15.000.000

Phụ lục II
MỨC HỖ TRỢ ĐỐI VỚI VẬT NUÔI BỊ THIẾT HẠI
(CHẾT, MẤT TÍCH) DO THIÊN TAI

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 120/2025/NQ-HĐND
ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)*

STT	Nội dung hỗ trợ	Mức hỗ trợ (đồng/con)
1	Gia cầm (gà, vịt, ngan, ngỗng, bồ câu)	
	Đến 28 ngày tuổi	22.500
	Trên 28 ngày tuổi	38.000
2	Chim cú	
	Đến 28 ngày tuổi	4.000
	Trên 28 ngày tuổi	8.000
3	Lợn	
	Đến 28 ngày tuổi	550.000
	Trên 28 ngày tuổi	1.055.000
	Lợn nái và lợn đực đang khai thác	3.000.000
4	Bê cái hướng sữa đến 6 tháng tuổi	3.000.000
5	Bò sữa trên 6 tháng tuổi	8.050.000
6	Trâu, bò thịt, ngựa	
	Đến 6 tháng tuổi	2.250.000
	Trên 6 tháng tuổi	5.050.000
7	Hươu sao, cừu, dê, đà điểu	1.750.000
8	Thỏ	
	Đến 28 ngày tuổi	40.000
	Trên 28 ngày tuổi	60.500
9	Ong mật	400.000 (đồng/đàn)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 121/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm ngày 19 tháng 02 năm 2025;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

Xét Tờ trình số 384/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025, Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện nghị quyết.
3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 27 tháng 7 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 97/2024/NQ-HĐND ngày 07 tháng 11 năm 2024 của HĐND tỉnh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm tài sản, trang thiết bị; Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 121/2025/NQ-HĐND

ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng sử dụng nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Sơn La theo khoản 3 Điều 5; điểm b khoản 2 Điều 8 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.
2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

1. UBND tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị đối với nhiệm vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 10 tỷ đồng trở lên/nhiệm vụ.

2. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 05 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng/nhiệm vụ.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I (ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch UBND cấp xã, phường quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị đối với nhiệm vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 01 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ.

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị đối với nhiệm vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện chi thuê hàng hóa, dịch vụ

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện chi thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện trên 05 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I (ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch UBND cấp xã, phường quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện chi thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 200 triệu đồng đến 05 tỷ đồng/nhiệm vụ.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện chi thuê hàng hóa, dịch vụ có tổng dự toán kinh phí thực hiện không quá 200 triệu/nhiệm vụ.

Điều 5. Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

1. UBND tỉnh quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện từ 05 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán cấp I (ngân sách cấp tỉnh), Chủ tịch UBND cấp xã, phường quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 05 tỷ đồng/nhiệm vụ.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng có tổng dự toán kinh phí thực hiện dưới 500 triệu đồng/nhiệm vụ./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 122/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật NSNN;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước;

Xét Tờ trình số 383/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025, Báo cáo số 388/BC-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung phụ lục kèm theo Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của HĐND tỉnh.

(có 04 Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung, mức chi tại phụ lục kèm theo Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 6 năm 2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2025

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục số 01

(Kèm theo Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

TT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
1. Sửa đổi đơn vị hành chính tại điểm b2 khoản 1.8.1 mục 1 Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La, thành:			
"1.8	Chi văn hoá, văn nghệ, tặng phẩm		
b2	Văn hoá văn nghệ		- Tuỳ từng đối tượng khách, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ đón tiếp phê duyệt trong kế hoạch đón đoàn, tối đa mỗi đoàn chỉ được mời xem biểu diễn nghệ thuật một lần. - Mức chi không quá mức quy định tại Điểm b2 này.
-	Trung tâm văn hoá - Điện ảnh tỉnh tổ chức	10.000.000 đồng/1 buổi	
-	Cấp xã tổ chức	8.000.000 đồng/1 buổi	
2. Sửa đổi khoản 1.9.1, khoản 1.9.2, khoản 1.9.3 mục 1 Phụ lục số 01, Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La, thành:			
1.9	Chế độ, tiêu chuẩn khi đưa đoàn khách nước ngoài đi công tác địa phương, cơ sở		
1.9.1	Cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp xã chủ trì đón tiếp khách		
1.9.2	Cơ quan, đơn vị cấp xã; doanh nghiệp hoặc cơ sở nơi khách đến thăm và làm việc		
1.9.3	Cán bộ phía tỉnh Sơn La được cử tham gia đoàn tháp tùng khách đi thăm và làm việc ở địa phương	- Mức chi công tác phí thực hiện theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La. - Trường hợp đối ngoại phải ở cùng khách sạn với đoàn khách quốc tế, thì cán bộ Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi đoàn khách quốc tế ở."	

Phụ lục số 02*(Kèm theo Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)*

TT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
1. Sửa đổi mức chi công tác phí tại điểm a, điểm b khoản 1.3 mục 1 Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La, thành:			
1	Đối với các hội nghị quốc tế tại tỉnh Sơn La do phía tỉnh Sơn La đài thọ toàn bộ chi phí		
1.3	Chế độ đối với cán bộ tỉnh Sơn La tham gia đón, tiếp khách quốc tế, phục vụ các hội nghị quốc tế		
a	Thuê phòng nghỉ	Mức chi công tác phí thực hiện theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La	Trường hợp đối ngoại phải ở tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế, cán bộ phía Việt Nam được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard). Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 1 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức đón tiếp khách quốc tế và tổ chức hội nghị quốc tế.
b	Chi phí đi lại, phụ cấp lưu trú		
2. Sửa đổi điểm a khoản 4.1 mục 4; Phụ lục số 02, Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La, thành:			
4	Chế độ đối với cán bộ tỉnh Sơn La tham gia đoàn đàm phán về công tác biên giới lãnh thổ		
4.1	Đối với đoàn đàm phán tổ chức ở trong nước		
a	Tiêu chuẩn phòng nghỉ:	Mức chi công tác phí thực hiện theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	
b	Trường hợp cần thiết phải ở khách sạn nơi tổ chức đàm phán, thì được thuê phòng nghỉ theo tiêu chuẩn 2 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ		

TT	Nội dung chi	Mức chi	Ghi chú
	chức đàm phán. Trường hợp đoàn có lẻ người khác giới thì người lẻ được thuê 01 người/phòng theo giá thực tế của loại phòng tiêu chuẩn (Standard) tại khách sạn nơi tổ chức tổ chức đàm phán		
C	Chế độ phụ cấp lưu trú, chế độ đi lại và các chi phí khác phục vụ đoàn đàm phán:	Mức chi công tác phí thực hiện theo Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La; Quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan, đơn vị.	

Phụ lục số 03

(Kèm theo Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung chi	Mức chi (Tối đa không quá)
Sửa đổi một số chức danh và mức chi tại mục 1; khoản 2.1; khoản 2.2; khoản 2.4 mục 2 và thay thế phụ lục số 03 Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La		
1	Khách đến làm việc tại cơ quan, đơn vị (Chi giải khát)	30.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người
2	Chi mời cơm	
-	Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh, Lãnh đạo Đoàn đại biểu Quốc Hội, UBND tỉnh tiếp khách	300.000đồng/1 suất (đã bao gồm đồ uống)
-	Lãnh đạo các sở, ban, ngành tiếp khách	250.000đồng/1 suất (đã bao gồm đồ uống)
-	Các trường hợp khác tiếp khách	200.000đồng/1 suất (đã bao gồm đồ uống)
-	Đối với ngân sách cấp xã	200.000đồng/1 suất (đã bao gồm đồ uống)
3	Chi phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số	
	Chi phiên dịch tiếng dân tộc trong trường hợp tiếp khách dân tộc thiểu số	Điểm 1.7.2, 1.7.3, 1.7.4 Khoản 1.7, Mục 1, phụ lục số 01 Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND

Phụ lục số 04

(Kèm theo Nghị quyết số 122/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh Sơn La)

STT	Nội dung chi
Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số đơn vị hành chính; chức danh tại mục thứ 13 Phụ lục số 04; Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La.	
"13	Khách là cán bộ đến công tác tại cơ sở
-	Đoàn khách là cán bộ của Tỉnh đến làm việc với cấp xã;
-	Đoàn khách là cán bộ của cấp xã đến làm việc với Tỉnh
-	Đoàn công tác do lãnh đạo các Sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh thăm và làm việc tại cấp xã đối với hoạt động lớn (<i>Lễ kỷ niệm, ngày hội trong năm</i>).
-	Đoàn công tác do Thường trực Đảng ủy cấp xã; Thường trực HĐND, UBND cấp xã trong tỉnh, các tỉnh thăm và làm việc tại tỉnh và cấp xã đối với hoạt động lớn (<i>Lễ kỷ niệm, ngày hội trong năm</i>)."

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 123/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2023/TT-BTC ngày 31 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La theo khoản 5, Điều 8, Thông tư số 36/2018/TT-

BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cán bộ, công chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng tại các tỉnh, thành phố trong toàn quốc.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cán bộ trong các cơ quan nhà nước;
- b) Công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở cấp tỉnh và công chức xã, phường (sau đây gọi là cấp xã);
- c) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, chiến sỹ, công nhân, viên chức trong các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân;
- d) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường; Những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố;

Tất cả các đối tượng trên, sau đây gọi chung là cán bộ, công chức.

3. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh Sơn La: (có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.
2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và thay thế Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 60/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 88/2018/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2018 của HĐND tỉnh quy định một số mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khóa XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA
(Kèm theo Nghị quyết số 123/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi
I	Chi đào tạo cán bộ, công chức		
-	Chi phí dịch vụ đào tạo và các khoản chi bắt buộc phải trả cho các cơ sở đào tạo		Theo hóa đơn của cơ sở đào tạo nơi cán bộ, công chức được cử đi đào tạo hoặc theo Hợp đồng cụ thể do cấp có thẩm quyền ký kết
II	Chi bồi dưỡng cán bộ, công chức		
1	Chi thù lao giảng viên, báo cáo viên, trợ giảng (nếu có)	Buổi (4 tiết học)	
1.1	Giảng viên, báo cáo viên là ủy viên Trung ương Đảng; Bộ trưởng, Bí thư Tỉnh ủy và các chức danh tương đương	Đồng/người/buổi	1.600.000
1.2	Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Chủ tịch HĐND và UBND tỉnh, Phó Bí thư tỉnh ủy và các chức danh tương đương; giáo sư; chuyên gia cao cấp; Tiến sỹ khoa học	Đồng/người/buổi	1.300.000
1.3	Giảng viên, báo cáo viên là Phó chủ tịch HĐND và UBND tỉnh, Vụ trưởng và Phó vụ trưởng thuộc Bộ, Viện trưởng và phó viện trưởng thuộc Bộ, Cục trưởng, Phó cục trưởng và các chức danh tương đương; phó giáo sư; tiến sỹ; giảng viên chính, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, thạc sỹ	Đồng/người/buổi	1.000.000
1.4	Giảng viên, báo cáo viên còn lại là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (ngoài 3 đối tượng nêu trên)	đồng/người/buổi	800.000
1.5	Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các đơn vị cấp xã, phường và tương đương	Đồng/người/buổi	500.000

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi
2	Phụ cấp tiền ăn giảng viên		Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1, khoản 1, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh quy định mức chi công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Sơn La và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
3	Chi thanh toán tiền phương tiện đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên		Thực hiện theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính (Trường hợp cơ quan, đơn vị không bố trí được phương tiện, không có điều kiện bố trí chỗ nghỉ cho giảng viên mà phải đi thuê)
4	Chi dịch thuật		Thực hiện mức chi dịch thuật theo quy định tại điểm 1.7, khoản 1, Phụ lục số 01 kèm theo Nghị quyết số 99/2019/NQ-HĐND ngày 12/6/2019 của HĐND tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức hội nghị quốc tế và tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh
5	Chi nước uống phục vụ lớp học		Thực hiện theo quy định tại điểm 2.3, khoản 2, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh
6	Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi		Căn cứ mức chi ra đề thi, coi thi, chấm thi tại Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi
			áp dụng đối với giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 14/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định nội dung, mức chi cho công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Sơn La; thủ trưởng cơ quan, đơn vị tổ chức bồi dưỡng cán bộ, công chức quyết định mức cụ thể và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị
7	Chi khen thưởng cho học viên:		
7.1	Loại giỏi	đồng/học viên	150.000
7.2	Loại xuất sắc	đồng/học viên	200.000
8	Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, phường; những người hoạt động không chuyên trách ở bản, tiểu khu, tổ dân phố trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo:		
8.1	Chi phí đi lại từ cơ quan đến nơi học tập (một lượt đi và về; nghỉ lễ; nghỉ tết)		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
8.2	Chi hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ)		Thực hiện theo quy định tại điểm 2.2. khoản 2, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
9	Các khoản chi phí theo thực tế phục vụ trực tiếp lớp học		
9.1	Chi thuê hội trường, phòng học; thuê thiết bị, dụng cụ phục vụ giảng dạy (đèn chiếu, máy vi tính, thiết bị khác,...)		Mức chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hóa đơn theo quy định và không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt

STT	Nội dung chi	DVT	Mức chi
9.2	Chi mua, in ấn giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); chi in và cấp chứng chỉ		Mức chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hóa đơn theo quy định và không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
9.3	Chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên		Mức chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hóa đơn theo quy định và không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt
9.4	Các chi phí phát sinh trong trường hợp đào tạo, bồi dưỡng thông qua hình thức trực tuyến từ xa		
-	Chi mua sắm, thuê thiết bị, phần mềm và các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng thông qua hình thức trực tuyến từ xa (phần mềm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến; bài giảng, phần mềm mô phỏng, thiết bị phục vụ giảng dạy trực tuyến từ xa; chi phí đường truyền và các chi phí công nghệ thông tin khác)		Cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ bồi dưỡng cán bộ, công chức căn cứ sự cần thiết quyết định việc mua sắm, thuê thiết bị, phần mềm và các hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin theo phân cấp quản lý; tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua sắm, đấu thầu, chứng từ, hóa đơn, các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin;
-	Chi số hóa tài liệu và các chi phí khác phục vụ trực tiếp đào tạo, bồi dưỡng thông qua hình thức trực tuyến từ xa		Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
-	Chi mua vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành đối với các lớp học cần sử dụng vật tư, nguyên nhiên vật liệu thực hành		Mức chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hóa đơn theo quy định và không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
10	Chi phí tổ chức đi khảo sát, thực tế theo yêu cầu của chương trình đào tạo do cấp có thẩm quyền ban hành.		

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi
10.1	Chi trả tiền phương tiện, đưa đón học viên đi khảo sát thực tế		Mức chi theo hợp đồng, chứng từ chi thực tế.
10.2	Chi hỗ trợ một phần tiền ăn, tiền nghỉ cho học viên trong những ngày đi thực tế		Thực hiện theo quy định tại điểm 1.1 và điểm 1.2, Khoản 1, Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và trong phạm vi dự toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được giao.
10.3	Chi thuê hội trường và các thiết bị đi kèm; tiền tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống, thuốc y tế thông thường; thù lao, phụ cấp tiền ăn, phương tiện đi lại, thuê phòng nghỉ cho giảng viên, dịch thuật và các khoản chi cần thiết khác phục vụ khảo sát, thực tế (nếu có) theo quyết định đi khảo sát, thực tế của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng, cơ quan tổ chức lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức:		Thực hiện theo các chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, 9 Phụ lục này
11	Chi biên soạn chương trình, tài liệu bồi dưỡng mới; chi chỉnh sửa, bổ sung cập nhật chương trình, tài liệu bồi dưỡng		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp
12	Chi hoạt động quản lý trực tiếp các lớp bồi dưỡng cán bộ, công chức của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng hoặc các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ mở lớp đào tạo, bồi dưỡng		Trích 5% trên tổng số kinh phí của mỗi lớp học
13	Chi các hoạt động phục vụ trực tiếp công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức		
13.1	Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo, hội nghị; chi đi công tác để kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 115/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của HĐND tỉnh và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

STT	Nội dung chi	DVT	Mức chi
			Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
13.2	Chi điều tra, khảo sát xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng		Áp dụng mức chi quy định tại Nghị quyết số 14/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh và Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
13.3	Chi văn phòng phẩm, các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến công tác quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.		Mức chi theo thực tế trên cơ sở chứng từ hóa đơn theo quy định và không vượt quá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 124/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học trên địa bàn tỉnh Sơn La

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật số 56/2024/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý Thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 379/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1062/BC-VHXXH ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh; Ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 1. Quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học trên địa bàn tỉnh Sơn La

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Đối tượng áp dụng

Học sinh của cơ sở giáo dục phổ thông, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên phải chi phí qua sông, suối, hồ bằng phà, thuyền, đò, bè để đi học.

3. Mức hỗ trợ

- Mức hỗ trợ: 280.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh phải đi, về hằng ngày.

- Mức hỗ trợ: 50.000 đồng/học sinh/tháng đối với học sinh không phải đi, về hằng ngày.

4. Thời gian hưởng hỗ trợ: 9 tháng/năm.

5. Nguồn kinh phí: Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và thay thế Nghị quyết 129/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 của HĐND tỉnh về chế độ hỗ trợ kinh phí cho học sinh phải qua sông, suối, hồ để đi học.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 125/2025/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 17 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ các nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại
quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND
và Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 1097/TTr-PC ngày 04 tháng 7 năm 2025, Báo cáo số 1104/BC-PC ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Ban Pháp chế HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 1144/BC-KTNS ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp;

HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết bãi bỏ các nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La.

Điều 1. Bãi bỏ các nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND và Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Sơn La

1. Bãi bỏ các nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại quy định một số chế độ, định mức chi đảm bảo điều kiện hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Sơn La ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/2021/NQ-HĐND.

2. Bãi bỏ một số nội dung, mức chi đối với cấp huyện tại Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

a) Bãi bỏ cụm từ “- Cấp huyện: 1.500.000 đồng/điểm” tại điểm 1.1 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND.

b) Bãi bỏ các cụm từ: “Cấp huyện: 4.000.000 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ”, “Cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND thuộc Văn phòng HĐND-UBND cấp huyện: 2.000.000 đồng/người/ nhiệm kỳ;” tại điểm 1.6 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND.

c) Bãi bỏ các cụm từ: “Cấp huyện: 150.000 đồng/người/buổi”, “Cấp huyện: 100.000 đồng/người/buổi”, “Cấp huyện: 80.000 đồng/người/buổi”, “cấp huyện: 70.000 đồng/người/buổi”, “Cấp huyện: 1.000.000 đồng/cuộc”, “Cấp huyện: 1.500.000 đồng/báo cáo” tại điểm 2.2 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 59/2023/NQ-HĐND.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 523/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT
Về chương trình giám sát năm 2026 của HĐND tỉnh Sơn La

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 11

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của HĐND, Thường trực HĐND, Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND;

Xét Tờ trình số 114/TTr-TT HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua chương trình giám sát năm 2026 của HĐND tỉnh Sơn La, với các nội dung sau:

1. Giám sát tại kỳ họp HĐND tỉnh

1.1. Tại kỳ họp thứ nhất HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 (*Tổ chức sau khi có kết quả bầu cử đại biểu HĐND các cấp*)

- Xem xét báo cáo kết quả công tác bầu cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Xem xét một số báo cáo khác theo quy định.

1.2. Tại Kỳ họp giữa năm HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

(1) Báo cáo công tác 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2026 của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Thi hành án dân sự tỉnh.

(2) Các báo cáo của UBND tỉnh về: Kinh tế - Xã hội 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; thực hiện ngân sách nhà nước 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; công tác phòng, chống tham nhũng 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 06 tháng đầu năm, nhiệm vụ 06 tháng cuối năm 2026; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri 06 tháng đầu năm 2026.

- Giám sát chuyên đề tại Kỳ họp: Về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh.

- Tiến hành hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại Kỳ họp HĐND tỉnh.

1.3. Tại Kỳ họp cuối năm HĐND tỉnh khoá XVI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

- Giám sát thông qua việc xem xét các báo cáo trình Kỳ họp:

(1) Báo cáo công tác năm 2026, nhiệm vụ năm 2027 của Thường trực HĐND tỉnh, Ban của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh và Thi hành án dân sự tỉnh.

(2) Các báo cáo của UBND tỉnh về: Kinh tế - Xã hội năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; thực hiện ngân sách nhà nước năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; tình hình phân bổ và thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025; công tác phòng, chống tham nhũng năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2026, nhiệm vụ năm 2027; việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri năm 2026; thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân năm 2026.

- Giám sát chuyên đề tại Kỳ họp: Về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh.

- Tiến hành hoạt động chất vấn và xem xét việc trả lời chất vấn tại Kỳ họp HĐND tỉnh.

2. Giám sát chuyên đề của HĐND tỉnh

Việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, phòng, chống lãng phí trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 đối với nội dung: (1) Sắp xếp tài sản, nhà, đất sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy; (2) Thực hiện chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất bằng vốn ngoài ngân sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

HĐND, Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của HĐND, Tổ Đại biểu HĐND và Đại biểu HĐND tỉnh và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La Khoá XV, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày được thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 524/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 07 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua những nội dung Thường trực HĐND tỉnh
đã xem xét, giải quyết từ Kỳ họp thứ 10 đến Kỳ họp thứ 11,
HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của HĐND tỉnh về ban hành quy chế hoạt động của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026;

Xét Tờ trình số 113/TTr-TTHĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua 05 nội dung Thường trực HĐND tỉnh đã xem xét giải quyết từ Kỳ họp thứ 10 đến Kỳ họp thứ 11, HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

(có Phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này được HĐND tỉnh Sơn La khóa XV, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG THƯỜNG TRỰC HĐND TỈNH
ĐÃ XEM XÉT, GIẢI QUYẾT GIỮA HAI KỲ HỌP
(Kèm theo Nghị quyết số 524/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Số văn bản trả lời của Thường trực HĐND tỉnh	
1	Tờ trình số 87/TTr-UBND về ban hành Quyết định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng thuộc trụ sở của cơ quan, tổ chức và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng công trình sự nghiệp thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Sơn La.	Công văn số 1366/TTHĐND	Ngày 03/4/2025
2	Tờ trình số 284/TTr-UBND ngày 05/6/2025 của UBND tỉnh về duyệt phương án cân đối và xử lý các nguồn kinh phí còn dư tại ngân sách tỉnh năm 2024.	Công văn số 1422/TTHĐND	Ngày 10/6/2025
3	Tờ trình số 376/TTr-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh về áp dụng giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước quản lý trên địa bàn tỉnh Sơn La khi sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.	Công văn số 1449/TTHĐND	Ngày 01/7/2025
4	Tờ trình số 1087/TTr-PC ngày 27/6/2025 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh phê chuẩn việc cho thôi giữ chức vụ Trưởng Ban Dân tộc của HĐND tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	Nghị quyết số 323/NQ-TTHĐND	Ngày 27/6/2025
5	Tờ trình số 1092/TTr-PC ngày 03/7/2025 của Ban Pháp chế của HĐND tỉnh chấp thuận việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu HĐND tỉnh Khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	Nghị quyết số 325/NQ-TTHĐND	Ngày 03/7/2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH SƠN LA Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 525/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 16 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và HĐND ngày 24 tháng 6 năm 2025;*

Xét Tờ trình số 112/TTr-TT HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thường trực HĐND tỉnh và thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh tán thành Báo cáo số 269/BC-TT HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (*HĐND tỉnh*) về kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh; việc thực hiện Kết luận phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

1. Kết quả đạt được

1.1. Trước và sau Kỳ họp thứ mười của HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, Thường trực HĐND tỉnh đã tiếp nhận, rà soát, phân loại và chuyển 25 kiến nghị của cử tri đến Ủy ban nhân dân tỉnh (*UBND tỉnh*) để chỉ đạo xem xét, giải quyết¹. Nội dung các kiến nghị của cử tri liên quan đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống, kinh tế - xã hội, trong đó một số lĩnh vực được nhiều cử tri ở nhiều địa phương quan tâm như: Đầu tư công, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, văn hoá xã hội, ban hành cơ chế chính sách, phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã,...

1.2. Thực hiện Nghị quyết số 417/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh về việc giám sát tình hình giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ chín của HĐND tỉnh khoá XV, Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh báo cáo bổ sung việc giải quyết đối với 71 kiến nghị.

¹ Báo cáo số 227/BC-TTHĐND ngày 29/11/2024 của Thường trực HĐND tỉnh về tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri trước Kỳ họp thứ mười, HĐND tỉnh khoá XV; Báo cáo số 249/BC-TT HĐND ngày 28/02/2025 của Thường trực HĐND tỉnh về tổng hợp kiến nghị của cử tri qua hoạt động tiếp xúc cử tri sau Kỳ họp thứ mười, HĐND tỉnh khoá XV.

1.3. Thực hiện Thông báo số 360/TB-TTHĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Thường trực HĐND tỉnh thông báo kết luận của chủ tọa kỳ họp về phiên chất vấn tại Kỳ họp thứ mười, HĐND tỉnh khoá XV, Thường trực HĐND tỉnh đã đề nghị UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo giải quyết 16 nhiệm vụ.

1.4. Sau khi tiếp nhận các kiến nghị của cử tri UBND tỉnh đã chủ động giao các sở, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan nghiên cứu, xem xét, giải quyết và có 02 văn bản về kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri gửi Thường trực HĐND tỉnh (*Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2025, Báo cáo số 188/BC-UBND ngày 23 tháng 4 năm 2025, Báo cáo số 366/BC-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh*). Thường trực HĐND tỉnh đã giao các Ban của HĐND tỉnh giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực được phân công. Kết quả: Đã giải quyết xong 34/112 kiến nghị, nhiệm vụ (*đạt 30,4%*); đang giải quyết 78/112 kiến nghị, nhiệm vụ (*bằng 69,4%*).

1.5. Việc tiếp nhận, giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị cử tri được UBND tỉnh, các sở ngành, địa phương và đơn vị liên quan chú trọng nghiên cứu, giải quyết kiến nghị cử tri, thể hiện tính cầu thị, tiếp thu kiến nghị cử tri trong tổ chức thực hiện công tác quản lý, điều hành; đã kịp thời chỉ đạo, đôn đốc các sở, ngành, địa phương xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri. Các sở, ngành, địa phương được giao chủ trì đã chủ động nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri theo đúng Quy chế tiếp nhận, giải quyết và trả lời kiến nghị của cử tri ban hành kèm theo Quyết định số 41/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh; nội dung, chất lượng giải quyết hoặc giải đáp về những vấn đề cử tri quan tâm cơ bản đáp ứng nguyện vọng của cử tri. Do đó, báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị cử tri được gửi đến Đoàn giám sát của Thường trực HĐND tỉnh đảm bảo tiến độ thời gian yêu cầu.

2. Tồn tại, hạn chế

Tỷ lệ kiến nghị được giải quyết xong còn thấp (*đạt 30,4%*); còn một số kiến nghị liên quan đến vướng mắc về đất đai kéo dài từ các kỳ họp trước của HĐND tỉnh chưa được giải quyết dứt điểm (*trong đó có 07² kiến nghị là các kiến nghị kéo dài từ trước Kỳ họp thứ năm, HĐND tỉnh*).

² (1) Quan tâm giải quyết vướng mắc giữa nhân dân bản Nà Cạn, phường Chiềng Sinh thành phố Sơn La với Công ty cổ phần Giang Sơn về dự án đổi đất lấy cơ sở hạ tầng khu đô thị phía Đông – Nam bến xe khách Sơn La; (2) Quan tâm, giải quyết những vướng mắc giữa nhân dân bản Hẹo Phung, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La với Công ty Hoàng Long trên diện tích khu đất đồi 1,8 ha của bản mà Công ty Hoàng Long đã san ủi mặt bằng (*Đề nghị được bồi thường theo giá thời điểm hiện tại hoặc giao đất lại cho nhân dân quản lý và sản xuất trên khu đất này*); (3) Quan tâm giải quyết dứt điểm đơn thư của công dân liên quan đến các lô đất thuộc bản án Cà Văn Lả, không đề đơn thư kéo dài; (4) Tiếp tục triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 khu đô thị Hồ tuổi trẻ, thành phố Sơn La; (5) Sớm thu hồi và giao đất của Trung tâm giống thủy sản cấp I thuộc hệ thống thủy sản quốc gia tại xã Tông Cọ cho UBND huyện Thuận Châu quản lý, sử dụng; (6) Đề nghị Cục dự trữ Quốc gia: Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Cục dự trữ Quốc gia (*kéo dài đã 10 năm*), còn 6 hộ chưa được nhận tiền đền bù nhưng hiện nay có hộ dân đã tiến hành xây dựng các công trình trái phép trên phần đất này, chính quyền địa phương phải cưỡng chế, gây nên tình trạng bức xúc trong nhân dân; (7) Chỉ đạo Trường Đại học Tây Bắc hoàn thiện dự án Trường Đại học Tây Bắc và điều chỉnh quy hoạch (*dự án đã kéo dài nhiều năm*) gây bức xúc cho Nhân dân.

3. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

Một số kiến nghị của cử tri về tiến độ triển khai các dự án, công tác thu hút đầu tư, sắp xếp, xử lý tài sản trên đất, thu hồi đất, xây dựng các cơ chế, chính sách,... là những kiến nghị cần có thời gian, nguồn lực, lộ trình cụ thể theo khả năng ngân sách địa phương, việc giải quyết chưa thể đáp ứng nguyện vọng của cử tri. Đồng thời, một số kiến nghị đang xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương, nhất là một số kiến nghị liên quan đến lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả và kịp thời giải quyết kiến nghị của cử tri, HĐND tỉnh đề nghị Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban của HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tập trung chỉ đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

1. Đối với Thường trực HĐND tỉnh

1.1. Tiếp tục tăng cường giám sát kết quả giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến các kỳ họp của HĐND tỉnh; Xây dựng kế hoạch tổ chức giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri đối với các nội dung tại Biểu kèm theo Nghị quyết này, kiến nghị của cử tri được gửi đến HĐND tỉnh trước và sau Kỳ họp thứ mười một; báo cáo HĐND tỉnh tại Kỳ họp cuối năm 2025.

1.2. Lựa chọn một số nội dung kiến nghị đã được cử tri kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm, những vấn đề mới phát sinh liên quan trực tiếp đến đời sống, chính sách an sinh xã hội của người dân để tổ chức Đoàn giám sát chuyên đề hoặc tổ chức chất vấn, giải trình tại Phiên họp của Thường trực HĐND tỉnh (nếu xét thấy cần thiết).

2. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh

2.1. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ngành rà soát, khẩn trương giải quyết các kiến nghị của cử tri đang trong quá trình giải quyết tại Biểu kèm theo; tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết, trả lời cử tri, khắc phục những hạn chế đã nêu trong Báo cáo; bảo đảm giải quyết có chất lượng, đúng lộ trình đề báo cáo với cử tri; báo cáo kết quả giải quyết về Thường trực HĐND tỉnh **trước ngày 30 tháng 10 năm 2025.**

Báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri cần tập trung nêu rõ: ⁽¹⁾ Số lượng kiến nghị được chuyển đến; số lượng, kết quả giải quyết, trả lời? ⁽²⁾ Đối với kiến nghị đã giải quyết xong, phải có danh mục tài liệu minh chứng về kết quả thực hiện; ⁽³⁾ Đối với kiến nghị đang và sẽ giải quyết, kiến nghị cử tri đã kiến nghị nhiều lần nhưng chưa giải quyết dứt điểm đề nghị nêu rõ cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm và thời hạn giải quyết; ⁽⁴⁾ Đánh giá chung về kết quả giải quyết kiến nghị và đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả việc giải quyết kiến nghị của cử tri.

2.2. Chỉ đạo các ngành, địa phương tích cực triển khai thực hiện nhiệm vụ trong thời gian tới. Đồng thời, rà soát, có phương án phù hợp để giao các cơ quan, đơn vị tiếp tục tiếp thu, giải quyết kiến nghị cử tri khi kết thúc hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện, đảm bảo giải quyết dứt điểm kiến nghị của cử tri, không để gián đoạn, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của Nhân dân.

2.3. Tiếp tục tăng cường chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giải quyết, trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cử tri.

2.4. Chỉ đạo tiếp tục đăng tải kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trên các phương tiện thông tin đại chúng.

3. Đối với các Ban của HĐND tỉnh

3.1. Tiếp tục thực hiện giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo lĩnh vực phụ trách và phân công của Thường trực HĐND tỉnh.

3.2. Chủ động đề xuất nội dung tổ chức Đoàn giám sát một số chuyên đề đối với những kiến nghị đã được cử tri kiến nghị nhiều lần nhưng chưa được giải quyết dứt điểm; những vấn đề mới phát sinh liên quan đến đời sống dân sinh.

4. Đối với các Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND tỉnh

4.1. Thông tin kịp thời kết quả giải quyết kiến nghị cử tri của UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tới cấp ủy, chính quyền và cử tri; nhất là thông tin trực tiếp đến cử tri tại hội nghị tiếp xúc cử tri đối với những vấn đề cử tri kiến nghị đã được pháp luật quy định hoặc đã được giải quyết, trả lời dứt điểm, không có nội dung mới, kiến nghị liên quan đến nguồn vốn đầu tư các dự án không có trong kế hoạch đầu tư công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, kiến nghị liên quan đến chế độ, chính sách trong giai đoạn Trung ương, tỉnh đang hoàn thiện các quy định chế độ, chính sách theo quy định.

4.2. Nghiên cứu, đổi mới hình thức tiếp nhận, tổng hợp, phân loại kiến nghị của cử tri đảm bảo vấn đề tổng hợp phải rõ địa chỉ, rõ nội dung, tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết (*không tổng hợp chuyển Thường trực HĐND tỉnh đối với những kiến nghị đã được cấp có thẩm quyền trả lời hoặc đang trong thời gian giải quyết; kiến nghị thuộc thẩm quyền cấp xã*); tiếp tục tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động tiếp xúc cử tri.

4.3. Tiếp tục theo dõi, giám sát và có ý kiến nhận xét đối với UBND tỉnh và các sở, ngành trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri.

5. Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh

5.1. Kịp thời trích lục các nội dung kiến nghị của cử tri đã giải quyết xong, gửi trực tiếp về chính quyền địa phương cơ sở nơi cử tri kiến nghị.

5.2. Cung cấp đầy đủ thông tin về kết quả giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri trên Trang thông tin đại biểu dân cử tỉnh, cho Báo và Phát thanh, Truyền hình Sơn La để đăng tải trên chuyên mục “*Diễn đàn cử tri*”.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh thực hiện và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, Kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Thái Hưng**

**NHỮNG KIẾN NGHỊ CỬ TRI ĐỀ NGHỊ UBND TỈNH TIẾP TỤC
CHỈ ĐẠO GIẢI QUYẾT, TIẾP TỤC THEO DÕI, GIÁM SÁT**
(Kèm theo Nghị quyết số 525/NQ-HĐND ngày 16/7/2025 của HĐND tỉnh)

TT	Nội dung kiến nghị	Kết quả thực hiện	Ghi chú
I	Nghị quyết số 417/NQ-HĐND ngày 05/12/2024 của HĐND tỉnh		
1	Lĩnh vực Pháp chế (05 nội dung)		
1.1	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, trình HĐND tỉnh bãi bỏ khoản 3, Điều 1, Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La. Lý do: Nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả, khuyến khích tích cực hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của đội ngũ Công tác viên dân số.	Ngày 16/8/2024, Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh Sơn La ban hành Báo cáo số 797/BC-VHXH về Kết quả rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện đối với các nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu lực thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó Hội đồng nhân dân tỉnh giao các sở, ngành thực hiện như sau, cụ thể: “Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các sở ngành liên quan nghiên cứu sửa và tổ chức thực hiện Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp (triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em). Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết (lưu ý bao gồm cả kiến nghị của Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử huyện Bắc Yên về sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 1 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh).”	Tiếp tục theo dõi, giám sát
1.2	Quan tâm giải quyết dứt điểm đơn thư của công dân liên quan đến các lô đất thuộc bản án Cà Vann Lả, không để đơn thư kéo dài.	1. Tại các Bản án, cơ quan tòa án kiến nghị thu hồi đất, thu hồi Giấy chứng nhận của tổng 125 trường hợp, gồm: Bản án 224/2007/HSST ngày 26/8/2007 của TAND tỉnh Sơn La và Bản án 1105/2007/HSPT	

	ngày 03/12/2007 của TAND tối cao là 50 trường hợp, theo Bản án số 22/2008/HSPT ngày 01/12/2008 của TAND tỉnh Sơn La và bản án số 125/2009/HSPT ngày 25/3/2009 của TAND tối cao là 75 trường hợp. 2. Đối với các khu đất liên quan đến vụ án Cà Văn Lã đã được Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm, ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, giải quyết. UBND tỉnh đã thành lập 02 tổ công tác. Đến nay, UBND thành phố đang tiếp tục triển khai các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh (còn tồn đọng 133/144 lô đất chưa được giải quyết). - Ngày 26/4/2022, UBND thành phố có Công văn số 1071/UBND-TNMT gửi Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và Ngày 11/5/2022, UBND thành phố đã ban hành Công văn số 1248/UBND-TNMT gửi Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị hướng dẫn thực hiện bản án đã có hiệu lực pháp luật. Theo đó, thẩm quyền giải thích những điểm chưa rõ trong Bản án phúc thẩm số 1105/2007/HSST ngày 03/12/2007 (đến nay Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chưa có văn bản hướng dẫn). - Ngày 08/9/2022 UBND thành phố đã họp với 05/29 hộ gia đình xã Hua La tại bản án số 22/2008/HSST ngày 01/12/2008 của Tòa án nhân dân tỉnh, tại cuộc họp các hộ nhất trí nộp truy thu thuế tại thời điểm cấp giấy chứng nhận hoặc nộp thời điểm năm 2008 Bản án có hiệu lực pháp luật. 3. Thực hiện Thông báo số 200/TB-VPUB ngày 22/5/2023 của Văn phòng UBND tỉnh ban hành Kết luận của đồng chí Đặng Ngọc Hậu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại buổi làm việc với các Sở, ngành và UBND thành phố Sơn La về tiến độ giải quyết kiến nghị của ông Trần Văn Ngọc trú tại tổ 6, phường Chiềng Sinh. - Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 1993/STNMT-ĐĐ&ĐĐBĐ ngày 10/6/2023 đôn đốc UBND thành phố Sơn La thực	
--	---	--

		hiện các nhiệm vụ UBND tỉnh giao tại Thông báo số 200/TB-VPUB ngày 22/5/2023. + Đối với kiến nghị của ông Trần Văn Ngọc về thực hiện thủ tục đăng ký đất đai đối với thửa đất trưng phát mại tài sản của Ngân hàng NN&PTNN tại Giấy chứng nhận mang tên ông Vũ Văn Phú có tên trong kiến nghị Bản án số 125/2009/HSPT ngày 25/3/2009 của Tòa án nhân dân tối cao: Sở TN&MT đã ban hành Công văn số 106/STNMT-TTr ngày 09/01/2024 gửi Tòa án nhân dân tối cao và Công văn số 274/STNMT-TTr ngày 22/01/2024 gửi Tòa án nhân dân cấp cao về việc đề nghị giải thích bản án. Ngày 06/3/2024, Tòa án nhân dân cấp cao có Công văn số 55/TANNTC-TH, trong đó, có nêu: "Việc giải thích bản án... thuộc thẩm quyền của đơn vị đã ban hành bản án... "Tòa án ND tối cao đề nghị Tòa án ND cấp cao giải thích bản án theo thẩm quyền. Đến nay, tỉnh chưa nhận được văn bản trả lời của Tòa án nhân dân cấp cao.		
1.3	Quan tâm, giải quyết những vướng mắc giữa nhân dân bản Hèo Phung, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La với Công ty Hoàng Long trên diện tích khu đất đồi 1,8 ha của bản mà Công ty Hoàng Long đã san ủi mặt bằng (Đề nghị được bồi thường theo giá thời điểm hiện tại hoặc giao đất lại cho nhân dân quản lý và sản xuất trên khu đất này).	Hiện nay UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 về việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Hèo Phung, thành phố Sơn La được phê duyệt sẽ góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc của dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” khu dân cư Hèo Phung, thành phố Sơn La và làm cơ sở thu hút đầu tư, quản lý đất đai, trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt. Nội dung kiến nghị cử tri liên quan đến việc triển khai dự án Khu dân cư Hèo Phung do Công ty Hoàng Long làm chủ đầu tư. Theo đó, Ngày 13/10/2023, UBND tỉnh ban hành Công văn số 4103/UBND-KT và Báo cáo số 478/BC-UBND trình Thủ tướng Chính phủ cho chủ trương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án “Dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn tỉnh Sơn La (đã được	Tiếp tục theo dõi, giám sát	

		Văn phòng Chính phủ tiếp nhận hồ sơ và chuyển Bộ Xây dựng, Tổ công tác thành lập theo Quyết định số 1435/QĐ- TTg ngày 17/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ tiếp nhận và giải quyết đề nghị của UBND tỉnh tại Văn bản số 2851/PB-VPCP ngày 15/11/2023). Ngày 06/02/2024, UBND tỉnh đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023 (trong đó tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng, Tổ Công tác theo Quyết định số 1435/QĐ-TTg ngày 17/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ quan tâm, sớm có văn bản hướng dẫn tỉnh Sơn La tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với 03 Dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn, gồm: i) Dự án khu dân cư bản Hèo Phung; ii) Dự án khu dân cư mới phía Đông Nam Bến Xe; iii) Dự án khu dân cư và dịch vụ Ngã tư cơ khí, thành phố Sơn La). Ngày 22/02/2024, UBND tỉnh đã làm việc với đoàn công tác của Thành viên Chính phủ, trong đó UBND tỉnh đã tiếp tục báo cáo, kiến nghị với Đoàn công tác quan tâm, sớm có văn bản hướng dẫn tỉnh Sơn La tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc đối với 03 Dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn (tại Báo cáo số 81/BC-UBND ngày 22/02/2024). Theo đó, sau khi có hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ phối hợp, tham mưu với UBND tỉnh theo quy định.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
1.4	Đề nghị sớm triển khai dự án đo đạc địa chính trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về giải quyết kiến nghị cử tri, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã trình UBND tỉnh cho phép lập Thiết kế kỹ thuật - Dự toán: “Đo đạc, chỉnh lý lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính; đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	

		huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La” tại Tờ trình số 394/TTr-STNMT ngày 13/7/2023, với khái toán kinh phí thực hiện khoảng 71.542.000.000 triệu đồng. Hiện nay, UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường giải trình làm rõ một số nội dung về phân kỳ nguồn vốn thực hiện. Ngày 31/01/2024, Bộ Tài nguyên và Môi trường có hiện Công văn số 754/BTNMT-ĐKDLTĐĐ về việc đề nghị các địa phương báo cáo tiến độ và đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương thực hiện nhiệm vụ, đề án do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý. Sở Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Báo cáo số 91/BC-UBND ngày 01/3/2024, trong đó, UBND tỉnh đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chính phủ hỗ trợ năm 2024 từ ngân sách Trung ương cho tỉnh Sơn La để triển khai Dự án tổng thể và Đề án nông, lâm trường trên địa bàn tỉnh với tổng kinh phí là 339.767 triệu đồng (trong đó có thiết kế của huyện Quỳnh Nhai). Về Đề án “Đo đạc, lập hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La”, quy mô trên phạm vi 12/12 huyện, thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh đề phê duyệt Đề án, tuy nhiên do khó khăn về nguồn kinh phí nên đến nay đề án chưa được phê duyệt. Thực hiện Thông báo số 337/TB-VPUB ngày 23/8/2024 về Kết luận của đồng chí Đặng Ngọc Hậu - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, tại cuộc họp Ban Chỉ đạo thành lập theo Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh, Sở TNMT đã làm việc với UBND 12 huyện, thành phố. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang hoàn thiện Đề án đề trình UBND tỉnh phê duyệt.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
1.5	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, trình HĐND tỉnh bãi bỏ khoản 3, Điều 1, Nghị quyết 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021		Ngày 16/8/2024, Ban Văn hoá - Xã hội của HĐND tỉnh Sơn La ban hành Báo cáo số 797/BC-VHXXH về Kết quả rà soát, đánh giá tình hình triển khai thực hiện đối với các nghị quyết của HĐND tỉnh đang còn hiệu	

	của HĐND tỉnh quy định số lượng, mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, xóm, bản, tiểu khu, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Sơn La. Lý do: Nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả, khuyến khích tích cực hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao của đội ngũ Công tác viên dân số.	lực thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội, trong đó Hội đồng nhân dân tỉnh giao các sở, ngành thực hiện như sau, cụ thể: “Sở Y tế chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, các sở ngành liên quan nghiên cứu sửa và tổ chức thực hiện Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển các cấp (triển khai đội ngũ cộng tác viên dân số kiêm công tác gia đình và trẻ em). Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh khi xét thấy cần thiết (lưu ý bao gồm cả kiến nghị của Tổ đại biểu HĐND tỉnh ứng cử huyện Bắc Yên về sửa đổi, bổ sung khoản 3, điều 1 của Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021 của HĐND tỉnh).” Đối với kiến nghị của cử tri xã Phiêng Ban, huyện Bắc Yên, UBND tỉnh tiếp thu và sẽ tiếp tục chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu, nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị quyết cho phù hợp với thực tế tại cơ sở sau khi có văn bản hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và định mức hỗ trợ đối với Cộng tác viên Dân số khi thực hiện kiêm nhiệm các nhiệm vụ khác.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
2	Lĩnh vực kinh tế - ngân sách (35 nội dung)			
2.1	Tiếp tục triển khai thực hiện dự án 1, dự án 2 khu đô thị Hồ tuổi trẻ, thành phố Sơn La.	Dự án khu đô thị số 02 Hồ tuổi trẻ, diện tích 7,26 ha: đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư (lần đầu) tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021, phê duyệt Yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm tại Quyết định số 701/QĐ-UBND ngày 24/4/2022 (tuy nhiên sau quá trình đánh giá không có nhà đầu tư đáp ứng theo yêu cầu sơ bộ). Dự án đã được UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương		

		đầu tư Dự án số 2 Khu đô thị Hồ Tuổi trẻ, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La tại Quyết định số 2398/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 (thay thế Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 17/12/2021); phê duyệt hồ sơ yêu cầu năng lực, kinh nghiệm tại Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 02/02/2024; phê duyệt danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm và gia hạn thời gian nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án tại Quyết định số 1487/QĐ-UBND ngày 27/7/2024; phê duyệt kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của Nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án tại Quyết định số 1992/QĐ-UBND ngày 24/09/2024. UBND tỉnh phê duyệt chấp thuận nhà đầu tư dự án số 2 khu đô thị Hồ Tuổi trẻ, thành phố Sơn La (Công ty Cổ phần đầu tư PNI Việt Nam) tại Quyết định số 2639/QĐ-UBND ngày 11/12/2024. Hiện nay, Nhà đầu tư đang triển khai các bước tiếp theo của dự án (giải phóng mặt bằng, đất đai, môi trường, xây dựng) theo quy định.	
2.2	Sớm thu hồi và giao đất của Trung tâm giống thủy sản cấp I thuộc hệ thống thủy sản quốc gia tại xã Tông Cọ cho UBND huyện Thuận Châu quản lý, sử dụng.	Sở Nông nghiệp và Môi trường đang phối hợp với UBND huyện Thuận Châu rà soát quy hoạch, xác định ranh giới, diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A0 154206 theo Quyết định số 3621/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của UBND tỉnh Sơn La; xác minh ranh giới, diện tích đất của các hộ liên kề; xác định ranh giới đất rừng phòng hộ giáp với đất trung tâm và đề xuất phương án xử lý tài sản, đất đai trình cấp có thẩm quyền.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.3	Đề nghị Cục dự trữ Quốc gia: Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Cục dự trữ Quốc gia (kéo dài đã 10 năm), còn 6 hộ chưa được nhận tiền đền bù nhưng hiện nay có hộ dân đã tiến hành xây dựng các công trình trái phép trên phần đất này, chính quyền địa phương phải cưỡng chế,	Công tác bồi thường GPMB dự án được thực hiện từ năm 2013, tổng diện tích đất thu hồi là 2.427,0 m ² . Đến thời điểm năm 2013 đã GPMB 1.478,4 m ² , diện tích còn lại 948,6 m ² đất của 06 hộ. UBND thành phố đã làm việc với Chủ đầu tư nêu rõ để có căn cứ tiếp tục triển khai công tác bồi thường GPMB đối với 06 hộ còn lại vào thời điểm hiện tại (năm 2023), đề nghị Chủ đầu tư liên hệ với các cấp có thẩm quyền thực hiện các bước quy trình trong công tác thu hồi đất	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	gây nên tình trạng bức xúc trong nhân dân.	theo đúng quy định của Luật đất đai năm 2013 và Quyết định số 447/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy trình thực hiện thu hồi đất, bồi thường GPMB. Cụ thể: (1) Lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, lập dự án đầu tư trình thẩm định phê duyệt dự án đầu tư. (2) Trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất (đất trồng lúa) theo Điều 58, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013. (3) Trình UBND tỉnh cấp nhật bổ sung vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm của UBND thành phố. Đến nay Chủ đầu tư (Cục dự trữ quốc gia khu vực Tây Bắc) chưa cung cấp hồ sơ để tiếp tục thực hiện dự án. Trong thời gian tới UBND thành phố tiếp tục phối hợp với Chủ đầu tư làm việc với các sở, ngành bổ sung các văn bản đảm bảo đủ điều kiện thực hiện công tác bồi thường GPMB dự án theo quy định. Chủ đầu tư đang đề nghị tìm vị trí đất khác hoặc các khu đất UBND tỉnh đã thu hồi của các tổ chức bàn giao cho UBND thành phố quản lý để Chủ đầu tư báo cáo UBND tỉnh lựa chọn xây dựng trụ sở. Đối với diện tích đất đã bồi thường (diện tích 1.478,4 m² của 11 hộ gia đình bản Mé Ban) Chủ đầu tư sẽ bàn giao cho UBND thành phố quản lý theo quy hoạch. Trong thời gian tới UBND thành phố tiếp tục làm việc với Chủ đầu tư để thống nhất phương án giải quyết..	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.4	Yêu cầu Công ty thủy điện Nậm Bú thực hiện việc bồi thường hỗ trợ tài sản, cây cối hoa màu cho Nhân dân (hiện nay trên địa bàn xã Mường Bú còn một số hộ có diện tích cây cối, hoa màu bị ngập úng nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ).	Đối với nội dung kiến nghị này, UBND huyện Mường La, Sở Công thương, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành nhiều văn bản đôn đốc Công ty thủy điện Nậm Bú thực hiện việc cấm mốc giải phóng mặt bằng công trình. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty thủy điện Nậm Bú chưa thực hiện việc cấm mốc giải phóng mặt bằng công trình thủy điện Nậm Bú nên UBND huyện Mường La chưa có cơ sở để tiến hành rà soát, xác định tài sản đất đai, cây cối hoa màu của các hộ bị ảnh hưởng để thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ. Trong	

		thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo UBND huyện Mường La phối hợp với các sở, ngành đồn đốc Công ty thủy điện Nậm Bú thực hiện việc cấm móc gỗ phòng mặt bằng để giải quyết dứt điểm ý kiến kiến nghị của cử tri.	
2.5	Thực hiện kiểm đếm, đền bù và thực hiện quy trình giải phóng mặt bằng bàn giao đất cho Ban quản lý hoàn thiện Khu công nghiệp Mai Sơn (Giai đoạn I) và tổ chức đi vào kinh doanh khai thác, mời gọi các Nhà đầu tư tham gia đầu tư, kinh doanh trong Khu công nghiệp, đồng thời tổ chức giao đất cho Nhà máy điện mặt trời Mai Sơn để Nhà đầu tư triển khai dự án. Trình quy hoạch giai đoạn II và triển khai các bước điều chỉnh, mở rộng khu công nghiệp Mai Sơn theo quy định.	1. Về công tác GPMB: Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh tiếp tục phối hợp với Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư huyện Mai Sơn thực hiện quy trình giải phóng mặt bằng đối với diện tích còn lại, gồm: Tổ chức triển khai Đề án tháo gỡ vướng mắc trong công tác GPMB dự án Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I) đã được UBND huyện Mai Sơn phê duyệt tại Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 05/9/2022. UBND huyện Mai Sơn đã ban hành quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm giải phóng mặt bằng để thực hiện Khu công nghiệp Mai Sơn (giai đoạn I) và dự kiến hoàn thành công tác bồi thường, hỗ trợ GPMB trước ngày 12/12/2025. 2. Về thu hút nhà đầu tư tham gia đầu tư, kinh doanh trong Khu công nghiệp Mai Sơn: Trong năm 2024 đã chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư đối với 03 dự án. Đối với diện tích đất công nghiệp còn lại của giai đoạn I (khoảng 15,2ha) hiện có rất nhiều nhà đầu tư, doanh nghiệp quan tâm, khảo sát và đăng ký đầu tư. Đối với diện tích đất Khu công nghiệp Mai Sơn giai đoạn II khoảng 51,26 ha hiện có nhiều nhà đầu tư đã khảo sát, đăng ký đầu tư thuộc các lĩnh vực chính như: chế biến nông - lâm sản, thực phẩm; dược liệu; thức ăn chăn nuôi; phân bón; sản xuất vật liệu mới thân thiện với môi trường; công nghiệp phụ trợ, bao bì, đảm bảo phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; tuy nhiên sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư mới đủ điều kiện triển khai các dự án này. 3. Về chủ trương đầu tư Giai đoạn II: Hiện Ban Quản lý các khu công	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	nghiệp đã hoàn thiện Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Mai Sơn, tỉnh Sơn La (giai đoạn II) và trình Hội đồng thẩm định trước khi trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm định (dự kiến triển khai trong giai đoạn 2026-2030). 4. Về mở rộng khu công nghiệp Mai Sơn tăng lên 312ha: Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023, theo đó, giai đoạn 2031-2050 mở rộng diện tích khu công nghiệp Mai Sơn thêm 162 ha. 5. Đối với nội dung tổ chức giao đất cho Nhà máy điện Mặt trời Mai Sơn: Ngày 30/6/2022 Công ty cổ phần năng lượng Sông Lam Sơn La đã có văn bản chấm dứt hoạt động của dự án; Ban Quản lý các khu công nghiệp đã có Thông báo về việc chấm dứt hoạt động dự án Nhà máy điện mặt trời Mai Sơn trong khu công nghiệp Mai Sơn. Đề nghị đưa ra khỏi nội dung giải quyết kiến nghị cử tri.	
2.6	Đối với khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La có địa chỉ tại tiểu khu 4 thị trấn Mộc Châu với diện tích đất là 2540 m². Đối với khu đất này Công ty cổ phần lương thực Sơn la đã hết hạn thuê đất từ ngày 01/6/2016. UBND tỉnh Sơn La đã thông qua danh mục dự án Nhà nước thu hồi đất tại Nghị quyết số 131/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 để thực hiện dự án tiểu công viên tại khu vực này và UBND tỉnh đã có Thông báo số 130/TB-UBND ngày 26/10/2020 về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La, UBND huyện Mộc Châu đã - UBND tỉnh Sơn La đã làm việc với Tổng Công ty lương thực Miền Bắc vào ngày 07/12/2020 và tổ chức đối thoại với Công ty cổ phần lương thực Sơn La vào ngày 24/11/2021 để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La để thực hiện dự án Tiểu công viên Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu. - Ngày 08/6/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức họp liên ngành Bàn giải quyết vướng mắc về đất đai đối với khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La khu đất Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu (Tham dự cuộc họp có Lãnh đạo, chuyên viên các Sở Tài chính, Xây dựng, Thường trực UBND huyện Mộc Châu, lãnh đạo Công ty cổ phần lương thực Sơn La. Tại cuộc họp thống nhất nội dung như sau: UBND tỉnh Sơn La đã có Thông báo số thu hồi đất 130/TB-UBND ngày 26/10/2020 do không được gia hạn sử dụng đất, UBND	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	phê duyệt chủ trương đầu tư dự án theo Quyết định số 1207/QĐ ngày 30/5/2019. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa thu hồi được để triển khai dự án. Do vậy, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo Công ty cổ phần lương thực Sơn La bàn giao khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La có địa chỉ tại tiểu khu 4 thị trấn Mộc Châu để huyện Mộc Châu triển khai dự án theo quy định.	huyện Mộc Châu tiếp tục hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La theo hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1967/STNMT-ĐĐ&ĐĐBĐ ngày 02/6/2021 và văn bản đơn đốc số 774/STNMT-ĐĐ&ĐĐBĐ ngày 07/3/2022). - Trên cơ sở đề nghị của UBND huyện Mộc Châu tại Tờ trình số 3039/TTr-UBND ngày 07/10/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Tờ trình số 763/TTr-STNMT ngày 08/11/2022 đề nghị UBND tỉnh thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La giao cho UBND huyện Mộc Châu quản lý để đầu tư xây dựng dự án tiêu công viên Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu, huyện Mộc Châu. Tuy nhiên theo nội dung cuộc họp ngày 01/3/2023 theo giấy mời số 160/GM-VPUB ngày 28/02/2023 của UBND tỉnh thì khu đất trên phải thực hiện sắp xếp, xử lý tài sản công theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 và Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, theo đó Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 754/STNMT-ĐĐ&ĐĐBĐ ngày 10/3/2022 xin rút Tờ trình số 763/TTr-STNMT ngày 08/11/2022. - Ngày 10/10/2023, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã có Công văn số 2158/UBQLV-NN về việc rà soát, kiểm tra hiện trạng cơ sở Nhà, đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La gửi UBND tỉnh Sơn La gồm 4 khu đất, trong đó khu đất tại Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu với tổng diện tích 3.022 m² bao gồm: giữ lại tiếp tục sử dụng 1.590 m², thu hồi 1.432 m². - Ngày 02/4/2024, Tổng Công ty lương thực Miền Bắc đã có Giấy mời số 207/TCTLMB-TNĐ về việc kiểm tra hiện trạng nhà, đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La gồm 19 cơ sở nhà, đất, trong đó khu đất tại Tiểu khu 4, thị trấn Mộc Châu. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có phương án sắp xếp, xử lý tài sản công được cơ quan có thẩm
--	--	--

	Đề nghị xem xét có phương án quản lý đất và trụ sở của các Hạt quản lý giao thông của 2 tuyến đường: (1) Đường Quốc lộ 4G (gồm có Hạt 1 tại tiểu khu ngã ba Chiềng Mai, xã Chiềng Mai và Hạt 2 tại bản Ốt Chả, xã Nà Ốt); (2) Đường Tỉnh lộ 110 (gồm có Hạt 110 (cũ) tại tiểu khu 8, xã Nà Bó và Hạt 109 (cũ) tại bản Nà Hường, xã Nà Bó) để phát huy hiệu quả, tránh lãng phí. Trường hợp nếu không sử dụng xem xét bàn giao lại cho UBND xã quản lý, sử dụng.	quyền phê duyệt. 1. Đối với 02 Nhà hạt trên Quốc lộ 4G: - Về thẩm quyền quyết định nhu cầu còn sử dụng nữa hay không còn sử dụng thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng. - Hiện nay trình tự, thủ tục về xem xét nhu cầu sử dụng hoặc không còn nhu cầu sử dụng để điều chuyển cho địa phương sử dụng quản lý phải thực hiện qua nhiều bước, nhiều cấp quản lý. Ngày 03/3/2023, Sở GTVT (nay là Sở Xây dựng) đã có Công văn số 600/SGTVT-KHTC gửi Khu Quản lý đường bộ I và Cục ĐBVN về nhu cầu sử dụng nhà hạt và điều chuyển tài sản hạ tầng đường bộ. - Để có cơ sở báo cáo Cục ĐBVN, Bộ GTVT về nhu cầu sử dụng nhà hạt, Khu Quản lý đường bộ I đã thành lập Đoàn kiểm tra thực địa các nhà hạt (từ ngày 05-08/4/2023) làm cơ sở báo cáo Cục ĐBVN, Bộ GTVT (nay là Bộ Xây dựng) xem xét về nhu cầu giữ lại nhà hạt hay điều chuyển về cho địa phương quản lý. - Ngày 21/9/2023 Cục ĐBVN có Công văn số 6369/CĐBVN-TC gửi Bộ GTVT về việc đề nghị điều chuyển 27 cơ sở nhà, đất là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc địa bàn Khu QLDB I quản lý (Đợt 1), trong đó có các sở nhà hạt này. Đến nay, Bộ Xây dựng đang xem xét, quyết định. 2. Đối với 02 nhà Hạt trên ĐT.110: - Nhà hạt Hát Lót tại Km2+200, ĐT.110 (bản Nà Hường, xã Nà Bó): Hiện Sở Xây dựng không có nhu cầu sử dụng; đang thực hiện trình UBND tỉnh đưa nhà hạt này ra khỏi danh mục tài sản KCHTGT đường bộ. Đối với phần đất, hiện đang thuộc quản lý của UBND xã Nà Bó, huyện Mai Sơn (nhà hạt không có quyết định giao đất). - Nhà hạt Km0+950, ĐT.110 (Nà Bó - Tà Hộc) hiện nay Sở Xây dựng	Tiếp tục theo dõi, giám sát
--	--	--	------------------------------------

		đang phối hợp với UBND huyện Mai Sơn, Sở TNMT và đơn vị quản lý làm rõ chênh lệch diện tích giữa các quyết định và diện tích hiện trạng làm cơ sở để trình UBND tỉnh cho phép chuyển giao về địa phương quản lý sử dụng theo quy định. Trong thời gian tới, đối với các nhà hạt trên các tuyến quốc lộ, tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành theo dõi khi có QĐ của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng sẽ triển khai thực hiện các bước tiếp theo điều chuyển về địa phương quản lý sử dụng theo quy định; đối với nhà hạt trên các tuyến đường tỉnh, tiếp tục chỉ đạo Sở Xây dựng phối hợp với chính quyền địa phương, đơn vị quản lý trực tiếp để làm rõ một số nội dung và trình UBND tỉnh chuyển giao về địa phương quản lý sử dụng.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.8	Chỉ đạo Công ty cổ phần Giang Sơn xây dựng hoàn thiện đoạn kè suối phía bên các hộ gia đình tại tổ 1, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La (nay là Phường Tô Hiệu) để tránh sạt lở đất	1. Qua rà soát kè suối khu vực dự án Đông Nam bên xe theo kiến nghị của cử tri, phần kè suối phía trong đã được Công ty cổ phần Giang Sơn thi công hoàn thiện, phần kè suối phía ngoài, tiếp giáp với các hộ dân dọc tuyến Quốc lộ 6 còn 02 đoạn kè suối dài khoảng 85m (đoạn giáp nhà bà Mỹ dài khoảng 25m, đoạn giáp nhà ông Toàn dài khoảng 60m) Công ty cổ phần Giang Sơn chưa triển khai đầu tư xây dựng do không thống nhất được phương án đền bù, giải phóng được mặt bằng với các hộ gia 2. Ngày 21/4/2014, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 883/QĐ-UBND về dừng triển khai thực hiện dự án Phát triển khu dân cư mới phía Đông Nam Bến xe, theo đó Công ty Cổ phần Giang Sơn dừng triển khai thực hiện dự án, phối hợp cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các nội dung theo Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 21/4/2014 của UBND tỉnh để bàn giao dự án về UBND thành phố Sơn La quản lý. Hiện nay, UBND tỉnh đang tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, các các sở, ngành, UBND thành phố phối hợp với các chủ đầu tư để tổ chức thực hiện việc thanh, quyết toán, giao đất cho chủ đầu tư, bàn giao cơ sở hạ	

	tăng cho chính quyền địa phương quản lý. Ngày 13/10/2023 UBND tỉnh Sơn La đã báo cáo Thủ tướng chính phủ về Kết quả thực hiện, các khó khăn, vướng mắc đối với 03 Dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn tỉnh Sơn La (Báo cáo số 478/BC-UBND ngày 13/10/2023). Trong thời gian tới, UBND thành phố sẽ tiếp tục, chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh tham mưu cho UBND tỉnh sẽ tiếp tục kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ, Bộ Xây dựng để có văn bản chỉ đạo tháo gỡ vướng mắc. Sau khi Thủ tướng Chính phủ có văn bản cho chủ trương; các Bộ, ngành Trung ương hướng dẫn thực hiện, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo các Sở, ngành và UBND thành phố Sơn La triển khai thực hiện, tháo gỡ dứt điểm vướng mắc của các dự án “Dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn thành phố Sơn La.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.9	Chỉ đạo Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT Sơn La, đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng Dự án thoát lũ suối Nậm La, khu vực Chiềng Sinh về Trung tâm thành phố. - Về công tác thi công đến nay khối lượng hoàn thành đạt 37,5% so với hợp đồng đã ký. Hiện các nhà thầu đang tập trung máy móc, thiết bị, nhân lực tổ chức 4 mũi thi công trên toàn tuyến để đảm bảo tiêu thoát nước trước mùa mưa lũ. - Về công tác giải phóng mặt bằng cơ bản hoàn thành, đạt 100% tiến độ giải phóng mặt bằng đoạn từ D&T đến ngã 4 phường Quyết Thắng. - Về điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: HĐND tỉnh đã phê duyệt điều chỉnh chủ trương dự án tại Nghị quyết số 392/NQ-HĐND ngày 29/10/2024; UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 2904/QĐ-UBND ngày 31/12/2024. Chủ đầu tư đang tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công phần phê duyệt bổ sung, đồng thời phối hợp với UBND thành phố GPMB đoạn bổ sung từ ngã 4 Quyết Thắng đến Khu đô thị An Phú sớm bàn giao mặt bằng trước ngày 30/3/2025 để triển khai dự án đúng tiến độ.	

2.10	Đẩy mạnh thu hút, tập trung nguồn lực đầu tư, xây dựng kế hoạch lộ trình tổ chức thực hiện Nghị quyết số 178/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh thông qua chủ trương đầu tư Dự án xây dựng, phát triển khu Du lịch quốc gia Mộc Châu.	1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng huyện Mộc Châu thành thị xã và Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu được công nhận vào năm 2025 (tại Quyết định số 501-QĐ/TU ngày 26/9/2022 của Tỉnh ủy). 2. UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu đủ điều kiện công nhận vào năm 2025 tại Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; ban hành Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 06/02/2023 về việc triển khai thực hiện các điều kiện còn thiếu, nâng cao chất lượng các điều kiện đạt mức độ yếu và trung bình theo Đề án Phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu, giai đoạn 2023-2025; Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 06/02/2023 của UBND tỉnh Sơn La về việc triển khai Đề án “Phát triển Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu đủ điều kiện công nhận” vào năm 2025.. . Về tiến độ đầu tư Dự án xây dựng, phát triển Khu du lịch quốc gia Mộc Châu: Dự án được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 18/4/2023; UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1519/QĐ-UBND ngày 15/8/2023. Hiện nay UBND huyện Mộc Châu (chủ đầu tư) đang triển khai Dự án theo các nghị quyết, quyết định phê duyệt của HĐND, UBND tỉnh. Đã hoàn thành công tác rà phá bom mìn, triển khai thi công trong phạm vi đã được giải phóng mặt bằng (giai đoạn 2005-2011 là: 4,83ha), Khối lượng ước đạt khoảng: 32 tỷ đồng Dự kiến trong thời gian tới tiến hành thi công lớp cấp phối đá dăm; thảm mặt đường bê tông nhựa đoạn tuyến đã làm nền thuộc tuyến đường 31m từ N01 đến N13 và triển khai thi công phần móng nhà điều hành đồng thời đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng phần diện tích chưa giải phóng để thực hiện triển khai dự án đồng bộ, sớm phát huy hiệu quả vốn đầu tư.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
-------------	---	--	------------------------------------

		4. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng: Hiện tại đã hoàn thành công tác cắm mốc ranh giới giải phóng mặt bằng ngoài thực địa, đang tiến hành công tác kiểm tra, nghiệm thu. Công tác trích đo địa chính, quy chủ sử dụng đất cũng đang được tích cực triển khai thực hiện. (Đo đạc ngoại nghiệp đã xong, đang xử lý số liệu nội nghiệp - kết hợp song song thu thập giấy tờ, hồ sơ sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân).	
2.11	Đề nâng cao hiệu quả xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện Thuận Châu, đảm bảo vệ sinh, tạo môi trường sống trong lành cho người dân, hạn chế đến mức tối thiểu sự ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường, kiến nghị UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai dự án giai đoạn 2 theo Quyết định số 2150/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND tỉnh Sơn La phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu chôn lấp và xử lý chất thải rắn huyện Thuận Châu.	Sở Xây dựng đã ban hành Công văn số 324/SXD-KTHT ngày 22/02/2023 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND huyện Thuận Châu; trong đó, đề nghị UBND huyện Thuận Châu lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trình Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xem xét, cho phép lập dự án đầu tư theo đúng quy định, UBND huyện Thuận Châu đã khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc tại Văn bản số 384/UBND-KTHT ngày 27/02/2023 về việc lập báo cáo đề xuất chủ trương. Tuy nhiên, theo quy định pháp luật cần hoàn thiện, nghiên cứu nhiều nội dung đầu tư đảm bảo logic, khoa học, có đủ cơ sở lý luận và thực tiễn, vì vậy đến nay các sở, ngành và UBND huyện Thuận Châu đang tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện nội dung để triển khai dự án	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.12	Sớm thu hồi trạm Đăng kiểm để mở rộng chợ 7/11 và sắp xếp lại khu vực họp chợ tránh gây mất an toàn giao thông tại khu vực.	- Ngày 18/7/2022, UBND thành phố Sơn La có Tờ trình số 286/TTr-UBND về việc đề nghị ban hành Quyết định thu hồi đất của Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới thủy, bộ Sơn La tại tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La. - Theo đề nghị của UBND thành phố Sơn La, ngày 22/7/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) ban hành Thông báo số 945/TB-STNMT về việc không gia hạn sử dụng đất khu đất tại tổ 8, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La của Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới thủy, bộ Sơn La.	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		- Ngày 10/11/2022, Sở Tài nguyên và Môi trường cùng UBND thành phố Sơn La, UBND phường Quyết Thắng làm việc với Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La về việc thu hồi đất. Tại cuộc họp, Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La có ý kiến về những khó khăn của đơn vị sau khi cổ phần hóa, những bất cập khi thực hiện cổ phần hóa tại đơn vị và đề nghị được nhà nước bố trí quỹ đất khác, hỗ trợ kinh phí di chuyển máy móc, thiết bị trong trường hợp thu hồi đất. Trường hợp không được giải quyết thỏa đáng, đơn vị sẽ kiến nghị lên cơ quan Trung ương và nhờ các cơ quan báo chí can thiệp. - Ngày 08/02/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính đã làm việc với UBND thành phố Sơn La về một số nội dung vướng mắc theo đề nghị của UBND thành phố Sơn La tại Công văn số 200/UBND-TNMT ngày 02/02/2023. Trong đó, có nội dung về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần đăng kiểm cơ giới thủy bộ Sơn La. Theo đó, cuộc họp đã thống nhất báo cáo UBND tỉnh đối với việc gia hạn có thời hạn đối với khu đất của Công ty cổ phần Đăng kiểm cơ giới đường thủy, đường bộ Sơn La trong thời gian đơn vị tìm kiếm địa điểm mới theo phương án cổ phần hóa. Sau khi hết thời gian gia hạn, đơn vị không tìm được vị trí, địa điểm mới đề nghị đơn vị tự di chuyển, tháo dỡ tài sản để giải phóng mặt bằng. - Ngày 14/3/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Báo cáo số 241/BC-STNMT báo cáo UBND tỉnh về giải quyết kiến nghị của Công ty cổ phần Đăng kiểm cơ giới thủy, bộ Sơn La. Hiện UBND tỉnh đang xem xét, nghiên cứu tổ chức đối thoại với Công ty để tháo gỡ vướng mắc trong việc thu hồi đất theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.13	Tiếp tục quan tâm, cho chủ trương đầu tư thực hiện dự án Kè chống sạt lở đất và hạ	Việc đầu tư Kè chống sạt lở đất và hạ tầng khu dân cư suối Muội là cần thiết, góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng phòng chống lũ, chống	

	tầng khu dân cư suối Muội giai đoạn III, với tổng mức đầu tư khoảng 160 tỷ đồng.	sạt lở đất, bảo vệ an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. Trong giai đoạn 2021-2025, Tỉnh đã tập trung lòng ghép, bố trí các nguồn vốn đầu tư Kè chống sạt lở đất và hạ tầng khu dân cư suối Muội giai đoạn I, giai đoạn II. Do nguồn vốn đầu tư của tỉnh còn hạn hẹp, đối với giai đoạn III, UBND tỉnh đã có Công văn số 4841/UBND-TH ngày 13/12/2022 gửi Bộ Tài chính hỗ trợ vốn để đầu tư, tuy nhiên, đến nay Bộ Tài chính chưa bố trí được nguồn vốn hỗ trợ. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành rà soát, nghiên cứu, tham mưu với UBND tỉnh triển khai dự án khi cần đối được nguồn vốn đầu tư	
2.14	Sớm giải quyết dứt điểm Dự án miền trung Tây Nguyên để ổn định cuộc sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng.	- Về tên dự án: Dự án khu dân cư và dịch vụ Ngã tư cơ khí được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 903/QĐ-UB ngày 02/4/2004 ; Phê duyệt Quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 319/QĐ-UB ngày 11/02/2004. Trong đó giao Chi nhánh Tổng công ty xây dựng- Phát triển nông thôn tại miền Trung và Tây nguyên làm chủ dự án. - Ngày 07/12/2012, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2652/QĐ-UBND của về việc chuyển giao chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư và dịch vụ Ngã tư cơ khí - phường Chiềng Sinh - thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; chuyển giao CĐT cho Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Ngọc Thanh. - Về tiến độ giải quyết dự án: Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tại Văn bản số 1422- CV/TU ngày 15/01/2022, về tiến độ giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với 03 dự án "dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng" trên địa bàn thành phố Sơn La; Nghị quyết số 78-NQ/BCSD ngày 30/5/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 55 Ban cán sự đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026. Sở Xây dựng đã tiếp thu, hoàn thiện 03 Đề án ; dự thảo báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết tháo gỡ khó	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		khẩn vướng mắc đối với các dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn thành phố Sơn La (trong đó có dự án khu dân cư và dịch vụ Ngã tư cơ khí). Sau khi có Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính, hướng dẫn của các Sở, ngành có liên quan và UBND thành phố tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND thành phố tham mưu UBND tỉnh giải quyết đối với các dự án trên.	
2.15	Sớm giải quyết dứt điểm Dự án khu đô thị Hoàng Long để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy phép xây dựng nhà ở, sớm ổn định cuộc sống cho các hộ dân bị ảnh hưởng.	- Về nội dung điều chỉnh cục bộ quy hoạch: Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến tại Công văn số 1525-CV/TU ngày 18/02/2022 và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 785/QĐ-UBND ngày 09/5/2022. Việc điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết khu dân cư bản Hèo Phung, thành phố Sơn La được phê duyệt sẽ góp phần giải quyết những khó khăn, vướng mắc của dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” khu dân cư Hèo Phung, thành phố Sơn La và làm cơ sở thu hút đầu tư, quản lý đất đai, trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch được duyệt. - Về tiến độ giải quyết dự án: Thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo tại Văn bản số 1422- CV/TU ngày 15/01/2022, về tiến độ giải quyết các khó khăn, vướng mắc đối với 03 dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng” trên địa bàn thành phố Sơn La; Nghị quyết số 78-NQ/BCSD ngày 30/5/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh tại Phiên họp thứ 55 Ban cán sự đảng UBND tỉnh nhiệm kỳ 2021 - 2026. Trong đó có giao nhiệm vụ: “... chỉ đạo Sở Xây dựng rà soát lại toàn bộ nội dung Đề án trên cơ sở tiếp thu ý kiến tham gia của các đồng chí tham dự Hội nghị; xây dựng nội dung báo cáo ngăn gọi xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ... ”. - Sở Xây dựng đã tiếp thu, hoàn thiện 03 Đề án; dự thảo báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về giải quyết tháo gỡ khó khăn vướng mắc đối với các dự án “dùng quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		hạ tầng” trên địa bàn thành phố Sơn La (trong đó có dự án Hèo Phung). Sau khi có Văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính, hướng dẫn của các Bộ, ngành trung ương, Sở Xây dựng sẽ tiếp tục phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và UBND thành phố tham mưu UBND tỉnh giải quyết đối với các dự án trên.	
2.16	Xem xét có phương án quy hoạch chuyên Công ty Mía đường Sơn La ra khỏi khu đô thị dân cư vì hoạt động của Công ty Mía đường Sơn La ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt, nguồn nước của nhân dân tiểu khu 1 nói riêng, khu vực trung tâm thị trấn nói chung.	Vị trí Công ty mía đường Sơn La đã được xác định theo đồ án quy hoạch chung đô thị Hát Lót, tỉnh Sơn La đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1822/QĐ-UBND ngày 25/7/2019. Trong niên vụ 2022-2023, các cơ quan chức năng của tỉnh đã thành lập các đoàn giám sát xác minh các thông tin phản ánh của quần chúng nhân dân về việc Công ty cổ phần mía đường Sơn La gây ô nhiễm nguồn nước. Căn cứ và các tài liệu thu thập, kết luận của các đoàn giám sát, kết quả giám định mẫu nước thải của Trung tâm Quan trắc Sở Tài nguyên môi trường Sơn La nguồn nước ô nhiễm có thể do nhiều nguyên nhân: Nước thải từ các nhà hàng, khách sạn, chợ, các cơ sở giết mổ..., tình trạng sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, một số hộ chế biến tinh bột sản quy mô nhỏ lẻ không có hệ thống xử lý nước thải khu vực xã Cò Nòi và thị trấn Hát Lót chưa được xử lý chảy vào hang Karrtet đi vào nguồn nước ngầm, nước mặt. Qua theo dõi, kiểm tra, giám sát thời gian qua chưa phát hiện Công ty cổ phần mía đường Sơn La xả nước thải chưa qua xử lý vào môi trường, đồng thời chưa đủ cơ sở để khẳng định nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước tại thị trấn Hát Lót là nước thải của Công ty cổ phần mía đường Sơn La. Tuy nhiên do vị trí địa lý Nhà máy đường thấp hơn trong khu vực lân cận, khi trời mưa to nước thường về nhà máy, địa chất xung quanh nhiều hang cát tơ ngầm nên vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm. Về mặt quy hoạch, trên địa bàn huyện Mai Sơn đã đề xuất quy hoạch 02 cụm công nghiệp và 01 khu công nghiệp, vị trí nằm ngoài khu đô	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		thị, dân cư; quy mô địa điểm đảm bảo đáp ứng cho mục đích sản xuất công nghiệp (như nhà máy mía đường). Tuy nhiên để di dời nhà máy đến địa điểm mới cần có nguồn lực lớn và lộ trình thực hiện. Trong thời gian tới, để hạn chế tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện Mai Sơn tăng cường công tác kiểm soát môi trường đối với hoạt động sản xuất của nhà máy và các cơ sở phát sinh nước thải gây ô nhiễm môi trường, kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.	
2.17	Sớm thu hồi diện tích đất tại tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu do Công ty cổ phần lương thực Sơn La đang quản lý, giao lại cho huyện Thuận Châu để thực hiện quy hoạch đã được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 20/6/2018 về việc phê duyệt Đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu và Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 25/10/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ Đồ án điều chỉnh tổng thể Quy hoạch chung thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu giai đoạn 2017-2030. Lý do: Công ty Lương thực Sơn La thuê đất để kinh doanh sai mục đích tại tiểu khu 10 thị trấn huyện Thuận Châu (nay là tiểu khu 6 thị trấn Thuận Châu) theo Quyết định số 550/QĐ-UBND ngày 24/3/1998 của UBND tỉnh Sơn La là	thị, dân cư; quy mô địa điểm đảm bảo đáp ứng cho mục đích sản xuất công nghiệp (như nhà máy mía đường). Tuy nhiên để di dời nhà máy đến địa điểm mới cần có nguồn lực lớn và lộ trình thực hiện. Trong thời gian tới, để hạn chế tối đa các tác động ảnh hưởng đến môi trường, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành, UBND huyện Mai Sơn tăng cường công tác kiểm soát môi trường đối với hoạt động sản xuất của nhà máy và các cơ sở phát sinh nước thải gây ô nhiễm môi trường, kịp thời xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật. - Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã phối hợp với UBND huyện Thuận Châu về việc đề nghị thông báo không gia hạn sử dụng đất Công ty cổ phần Lương thực Sơn La khu đất tại Tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 4505/STC-QLGCS ngày 14/11/2023; Ngày 05/12/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông báo số 1522/TB-STNMT Thông báo không gia hạn sử dụng đất đối với Công ty cổ phần lương thực Sơn La khu đất tại tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. - Ngày 7/12/2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 4461/STNMT-ĐD&ĐDBĐ về việc hoàn thiện hồ sơ thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La tại Tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu. - Ngày 07/11/2024, UBND huyện Thuận Châu có Tờ trình số 560/TTr-UBND về việc đề nghị thu hồi đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La tại Tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu, huyện Thuận Châu giao cho UBND huyện quản lý theo quy hoạch khu đất, do hồ sơ chưa đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, ngày 18/11/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 4221/STNMT-	Tiếp tục theo dõi, giám sát

20 năm; thời điểm tính thuế đất: từ ngày 01/01/1996. Đến nay đã hết thời hạn cho thuê đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La kể từ ngày 01/01/2016.	ĐD&ĐĐBĐ về việc chuyển trả Tờ trình số 560/Tr-UBND ngày 07/11/2024 của UBND huyện Thuận Châu. Hiện nay, UBND huyện Thuận Châu đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị thu hồi đất đối với khu đất của Công ty cổ phần lương thực Sơn La tại Tiểu khu 6, thị trấn Thuận Châu theo quy định gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
Năm 2023 UBND xã Muối Nọi, huyện Thuận Châu được UBND huyện giao thu 16.000.000 đồng từ quỹ đất công ích 5% vì quỹ đất đã được chia cho các hộ gia đình từ năm 1999, hiện rất khó khăn cho việc thực hiện Quyết định 41/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh cụ thể: Trên địa bàn xã có tổng diện tích đất 5% là 18.225m2 và được chia cho 542 hộ; trong đó hộ có nhiều diện tích nhất chỉ có 131 m2, hộ có diện tích ít nhất là 10m2. Do vậy diện tích đất giao cho các hộ gia đình là rất ít nên không thể làm hợp đồng thuê đất đối với từng hộ gia đình được. Việc cho thuê đất từ năm 1994 đến nay đã qua nhiều thời kỳ làm việc, số theo dõi đã bị thất lạc, có hộ gia đình cũng đã dồn điền đổi thửa nên không xác định được thửa đất của các hộ thuê đất ở số lô, số thửa nào. Nếu xác định số lô, số thửa cho các hộ cho thuê sẽ rất mất nhiều thời gian và tốn nhiều kinh phí. Đề nghị cấp có thẩm quyền hướng dẫn thực hiện Quyết định 41/2022/QĐ-UBND	Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Thuận Châu đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành Công văn số 48/TNMT ngày 07/3/2024 về việc thực hiện Công văn số 16/STNMT-ĐD&ĐĐBĐ của Sở TNMT gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan và UBND các xã, thị trấn đề nghị kiến cứu, triển khai thực hiện việc cho thuê đất thuộc quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo đúng quy định. Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 (Chính phủ đang xin ý kiến để trình Quốc hội cho điều chỉnh thời gian có hiệu lực từ ngày 01/8/2024). Theo dự thảo các Nghị định triển khai Luật Đất đai thì có quy định về đấu giá quyền sử dụng đất nông nghiệp vào mục đích công ích. Mặt khác, thực hiện Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 14/5/2024 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án “Đo đạc, hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Sơn La”, khi triển khai thực hiện đề án sẽ tiến hành đo đạc địa chính tổng thể và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đối với các xã, thị trấn trên địa bàn các huyện, thành phố chưa được đo đạc địa chính hoặc đã được đo đạc địa chính nhưng biến động lớn trên địa bàn toàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý nhà nước đất đai, xây dựng chính quyền số, định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Khi tiến hành đo đạc sẽ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai tổng thể trong đó có dữ liệu đất công ích (được thể hiện chi tiết đến từng thửa đất) để	

	ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh Sơn La về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất, để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Sơn La.	thuận tiện trong quá trình quản lý. Trong thời gian tới UBND huyện Thuận Châu sẽ tiếp tục chỉ đạo UBND xã Muối Nọi, các xã, thị trấn tiếp tục rà soát việc quản lý, sử dụng quỹ đất công ích; đồng thời căn cứ các quy định của Luật Đất đai năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành để xem xét, giải quyết theo quy định.	
2.19	Sớm khảo sát, đầu tư làm đường nhựa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu đến trung tâm xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu đến trung tâm xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu để thuận lợi cho việc đi lại và trao đổi hàng hóa của nhân dân hai bản, hai xã.	Tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Chiềng Tương, huyện Yên Châu đến trung tâm xã Chiềng Khừa, huyện Mộc Châu thuộc quy hoạch DT.102 (Mường Sang - Chiềng Khừa - Chiềng Tương - Lóng Phiêng), theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc đầu tư dự án sẽ đáp ứng nhu cầu đi lại, phát triển sản xuất, kinh doanh của nhân dân trong khu vực. Tuy nhiên, đến nay kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được HĐND tỉnh phê duyệt và phân bổ cho các dự án để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV. Để giải quyết kiến nghị của cử tri, UBND tỉnh đã tổng hợp dự kiến đưa danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 (Báo cáo số 549/BC-UBND ngày 25/10/2024 của UBND tỉnh). Sau khi có thông báo nguồn vốn, theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn sẽ xem xét triển khai thực hiện.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.20	Quan tâm đầu tư tuyến đường tránh đoạn Nhà máy may DNN - tổ 1, phường Quyết Tâm qua đường Chu Văn An đến đường Nguyễn Chí Thanh để giảm ách tắc giao thông, thuận tiện cho Nhân dân đi lại.	UBND thành phố đã đề xuất tuyến đường vào danh mục các dự án, công trình trọng điểm giai đoạn 2026-2030 tại Công văn số 3213/UBND-TCKH ngày 10/10/2024 gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tổng hợp. Theo đó, tuyến đường nằm trong mục dự án Tuyến đường quy hoạch 17,5m đầu tư từ bến xe khách tỉnh đầu nối ra Quốc lộ 6 đường Trần Đăng Ninh (gần công Trường tiểu học Quyết Tâm), phường Quyết Tâm. Hiện nay, kế hoạch đầu tư công	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		trung hạn giai đoạn 2021-2025 chưa được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo dự kiến vốn để triển khai các bước tiếp theo. Trong thời gian tới, sau khi Chính phủ có hướng dẫn về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và thông báo mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030, UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tài chính phối hợp với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố tổng hợp xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định.			Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.21	Quan tâm đầu tư xây dựng mới trụ sở phường Quyết Tâm tại khu đất Công ty cổ phần bia thực phẩm Sơn La.	UBND thành phố đã chỉ đạo đo đạc hiện trạng thửa đất; làm việc với Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La và hộ gia đình ông Quảng Văn Khùn; ngày 27/8/2024, UBND thành phố đã có Báo cáo số 1050/BC-UBND gửi Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) về kết quả rà soát nguồn gốc, hiện trạng khu đất của ông Quảng Văn Khùn, tại tổ 8, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La; đồng thời ngày 02/10/2024 Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La đã có Công văn số 09/CV-TPSL ngày 02/10/2024 đến Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đề nghị sớm thanh lý Hợp đồng thuê đất của Công ty. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đang hoàn thiện các thủ tục thu hồi đất của Công ty cổ phần thực phẩm Sơn La theo quy định.			Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.22	Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án Cải thiện cơ sở hạ tầng đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu tại thành phố Sơn La - đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 157/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của HĐND tỉnh.	Hiện nay dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị thực hiện, chưa phê duyệt dự án và chưa ký kết thỏa thuận vay. Cụ thể đang trong quá trình thực hiện quy trình điều chỉnh Đề xuất dự án, vào ngày 31/8/2024 Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La đã trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ quyết định làm cơ sở để triển khai các bước tiếp theo đảm bảo quy định. Trong các bước tiếp theo, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Ban quản lý các dự án ODA tỉnh thường xuyên báo cáo, đề xuất với cấp có thẩm			Tiếp tục theo dõi, giám sát

		quyền, Nhà tài trợ xem xét thực hiện quy trình thủ tục đảm bảo đầy nhanh tiến độ triển khai dự án; chủ động tổ chức thực hiện, giải quyết tháo gỡ khó khăn vướng mắc (nếu có), chỉ đạo các đơn vị tư vấn thực hiện đảm bảo tiến độ theo quy định của pháp luật Việt Nam và Thỏa thuận Quốc tế được ký kết.	
2.23	Đề nghị giải quyết dứt điểm việc thu hồi đất của 10 hộ dân tại bản Nà Hi (nay là bản He), xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai nằm trên khu đất của công ty TNHH Thảo Yên khai thác để bàn giao cho xã quản lý theo Quyết định số 3004/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Sơn La.	- Ngày 10/5/2018, UBND huyện Quỳnh Nhai đã chỉ đạo UBND xã Chiềng Khoang ban hành Thông báo số 12/TB-UBND về việc đề nghị các hộ dân không được tự ý lấn chiếm diện tích đất được UBND tỉnh thu hồi của Công ty TNHH Thảo Yên giao cho UBND xã Chiềng Khoang quản lý, sử dụng theo quy hoạch. - Ngày 25/10/2018, UBND tỉnh Sơn La đã ban hành Quyết định số 2628/QĐ-UBND về việc đóng cửa mỏ khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại khu vực bản Nà Hi, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. - Ngày 26/9 /2019 Sở Tài nguyên và môi trường có Công văn số 2744/STNMT về việc trả lời đơn đề nghị của ông Lò Văn Khan đại diện cho 10 hộ gia đình tại bản Nà Hi, xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. UBND xã Chiềng Khoang có Báo cáo số 111/BC-UBND ngày 17/10/2019 về thực hiện rà soát đất sản xuất của 10 hộ gia đình có liên quan đến mỏ đá Thảo Yên tại bản Nà Hi, xã Chiềng Khoang. - Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về giải quyết kiến nghị cử tri, UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường huyện, UBND xã Chiềng Khoang đề nghị các hộ kê khai lại diện tích đất của các hộ gia đình đang sử dụng gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tổng hợp để có cơ sở thực hiện các bước giải quyết kiến nghị tiếp theo. - Ngày 19/5/2023, Phòng TNMT, Chi nhánh VP đăng ký đất đai,	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	UBND xã Chiềng Khoang và 10 hộ dân thống nhất giải quyết theo phương án là sẽ giao đất, cấp lại đất cho 10 hộ dân tại bản Nà Hỳ (nay là bản He), xã Chiềng Khoang, huyện Quỳnh Nhai như sau: Các hộ gđ nhất trí lập thủ tục hồ sơ đăng ký đất đai, đề nghị Chi nhánh VP đăng ký đất đai huyện, UBND xã trích đo địa chính các thửa đất (chỉ phí do các hộ thanh toán), hướng dẫn các hộ lập hồ sơ đăng ký đất đai và thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai cho các hộ gđ; các hộ gđ nhất trí rút các đơn kiến nghị đã gửi. Tuy nhiên ngày 02/02/2024 UBND xã Chiềng Khoang có báo cáo về việc các hộ gia đình không nhất trí phương án tự thanh toán tiền chi phí đo đạc lập hồ sơ giao đất, cấp giấy CNQSD đất. Trong thời gian tới, UBND huyện Quỳnh Nhai tiếp tục chỉ đạo các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động 10 hộ dân lập thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất theo phương án tự thanh toán tiền chi phí đo đạc lập hồ sơ giao đất, cấp giấy CNQSD đất. Để giải quyết dứt điểm, hiện UBND huyện đang chỉ đạo rà soát đề xuất sử dụng ngân sách huyện (nếu đảm bảo quy định) hoặc nguồn xã hội hóa để thực hiện đo đạc lập hồ sơ giao đất, cấp giấy CNQSD đất cho 10 hộ dân.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.24	Đề nghị sớm cho chủ trương đầu tư và kinh phí thực hiện dự án 02 dự án: Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai (tổng mức đầu tư: 14.652 triệu đồng); hệ thống xử lý nước thải khu trung tâm huyện Quỳnh Nhai (tổng mức đầu tư dự kiến 14.801 triệu đồng). Ngày 02/8/2023, UBND huyện Quỳnh Nhai đã có Tờ trình số 314/TTr-UBND gửi UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc cho phép lập báo cáo đề xuất - Đối với dự án Khu xử lý rác thải sinh hoạt huyện Quỳnh Nhai: UBND tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư dự án tại Quyết định số 1251/QĐ-UBND ngày 28/6/2024, với tổng mức đầu tư: khoảng 14.950 triệu đồng, thời gian thực hiện 2024-2025; Đã được UBND tỉnh phê duyệt dự án tại quyết định số 582/QĐ-UBND ngày 15/3/2025, hiện đang triển khai thực hiện các bước phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu; - Đối với dự án hệ thống xử lý nước thải khu trung tâm huyện Quỳnh Nhai (tổng mức đầu tư dự kiến 14.801 triệu đồng). Đề nghị UBND huyện Quỳnh Nhai tiếp tục rà soát, đánh giá sự cần thiết đầu tư, sự	

	chủ trương đầu tư 02 dự án nêu trên.	phù hợp với quy hoạch, về tổng mức đầu tư, về phương án công nghệ... cần làm rõ để xem xét đầu tư.	
2.25	Đề nghị đẩy nhanh tiến độ thi công tuyến đường Mường La - Bắc Yên đoạn qua bản Tả, bản Áng Ngạiu, bản Hìn Phá, bản Mường Pia, bản Chông, xã Chiềng Hoa, huyện Mường La - Dự án được phê duyệt tại Quyết định số 1027/QĐ-UBND ngày 27/05/2021 của UBND tỉnh: Cải tạo, nâng cấp đường nói Quốc lộ 37 huyện Bắc Yên và Quốc lộ 179D huyện Mường La, tỉnh Sơn La.	Đối với đoạn từ Km44 - Km67 + 128 theo kiến nghị của cử tri gồm 03 gói thầu xây lắp, hoàn thành công tác đấu thầu và ký hợp đồng với các nhà thầu xây lắp từ tháng 11/2022; tuy nhiên đoạn này tuyến hầu hết là mở mới, không bám theo đường cũ nên phải GPMB xong mới thi công được, do công tác GPMB trên dự án gặp rất nhiều khó khăn nên đến tháng 10/2023 các nhà thầu xây lắp mới được giao một phần mặt bằng để triển khai thi công; đến thời điểm hiện nay công tác GPMB vẫn còn nhiều vướng mắc (do việc quản lý đất đai qua các thời kỳ) nên chưa hoàn thành việc phê duyệt phương án bồi thường để chi trả kinh phí, một số hộ dân cản trở, rào đường không cho thi công nên đến hết năm 2024 dự án vẫn chưa hoàn thành. Hiện nay, Chủ đầu tư đã và đang quyết liệt chỉ đạo các nhà thầu tăng cường lực lượng triển khai thi công ở các vị trí đã có mặt bằng, tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, bố trí nhiều mũi thi công, thi công tăng ca để đẩy nhanh tiến độ, triển khai thi công đồng loạt các hạng mục công trình, có mặt bằng đến đâu, triển khai thi công ngay đến đó. Kết quả đến nay đã thi công xong cơ bản phần nền đường, công trình thoát nước và trên 50% chiều dài mặt đường BTXM và đang tiếp tục đẩy nhanh tiến độ để phần đầu có thể hoàn thành dự án ngay sau khi thực hiện xong công tác GPMB (Chủ đầu tư đang trình cấp thẩm quyền cho phép điều chỉnh tiến độ hoàn thành năm 2025). Để có thể sớm hoàn thành được dự án, đáp ứng mong mỏi cũng như giải quyết kiến nghị của nhân dân trong khu vực về tiến độ dự án, đề nghị chính quyền địa phương các cấp huyện Mường La, cử tri xã Chiềng Hoa tiếp tục quan tâm, quyết liệt hơn nữa trong công tác tuyên truyền vận động nhân dân đồng thuận, không rào đường, cản trở thi	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		công; tiếp tục phối hợp với Chủ đầu tư và Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường GPMB tháo gỡ các vướng mắc, đồng thời đề nghị các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án sớm đồng thuận với phương án bồi thường hỗ trợ (đã lập theo đúng quy định hiện hành của nhà nước) để bàn giao mặt bằng vào thi công.	
2.26	Đẩy nhanh tiến độ đầu tư tuyến đường liên xã Chiềng Khừa - Lóng Sập, huyện Mộc Châu (đi qua bản Suối Đon) - dự án được phê duyệt tại Quyết định số 2520/QĐ-UBND ngày 25/11/2023 của UBND tỉnh về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông liên xã Bản Khừa - Suối Đon, xã Chiềng Khừa đến bản Pha Đón, A Má xã Lóng Sập. Đến thời điểm hiện tại mới tổ chức xin ý kiến, thông nhất về tác động môi trường.	- Về công tác thi công: Đang triển khai thi công nền đường khoảng 5/14,96km, khối lượng hoàn thành đạt khoảng 7,9% so với hợp đồng đã ký. - Về bồi thường GPMB: Chủ đầu tư đang phối hợp với UBND thị xã Mộc Châu, các xã, bản đọc tuyến đường về bồi thường GPMB, phân đấu hoàn thành trong quý III/2025 để triển khai đồng bộ trên toàn dự án.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.27	Về giải pháp để khắc phục tình trạng tái diễn ô nhiễm môi trường do chế biến cà phê vào các niên vụ sau trong bối cảnh thời gian tới cây cà phê sẽ tiếp tục tăng cả về diện tích và sản lượng: Đề nghị Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục tập trung lãnh đạo trong ngành và tham mưu với UBND tỉnh để chỉ đạo: Nghiên cứu xây dựng và ban hành quy hoạch vùng trồng cà phê gắn với vùng chế biến và bảo vệ môi trường. Triển khai hiệu quả Đề án phát triển nguyên liệu chế biến cà phê gắn	Đề triển khai giải pháp phát triển vùng trồng cà phê gắn với chế biến và bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các Đề án, Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ. - Theo Đề án Phát triển vùng nguyên liệu cà phê gắn với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Sơn La được phê duyệt tại Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 01/03/2021 đã xác định vùng phát triển trọng điểm cà phê tỉnh Sơn La và đặt ra mục tiêu chế biến cà phê gắn với bảo vệ môi trường được xác định tại huyện Mai Sơn, Yên Châu, Sốp Cộp, Thuận Châu và thành phố Sơn La, trong đó 96% sản lượng tập trung tại huyện Mai Sơn, Thuận Châu và thành phố Sơn La; cà phê	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	với chế biến, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh theo Kết luận số 863-KL/TU ngày 11/5/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.	được sản xuất, chế biến tại nhà máy quy mô lớn, đổi mới công nghệ sản xuất, có hệ thống xử lý nước thải, chất thải bảo đảm theo quy định. - Hiện nay, theo Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1676/QĐ-TTg ngày 25/12/2023 đã phê duyệt Cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ - Thành phố Sơn La với quy mô 60ha, Cụm Công nghiệp Tông Cọ, huyện Thuận Châu với quy mô 38ha. UBND tỉnh Sơn La đang tiến hành lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hoàng Văn Thụ. Dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ thu mua và chế biến từ 80.000 - 100.000 tấn cà phê tươi/năm (trong đó 50.000 tấn cà phê của thành phố Sơn La, 30.000-50.000 tấn cà phê của huyện Mai Sơn) góp phần tiêu thụ sản lượng cà phê tươi trên địa bàn tỉnh. - Ban hành Kế hoạch số 91/KH-UBND ngày 28/3/2024 của UBND tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (gồm các cây: cà phê, chè, cao su) trên địa bàn tỉnh Sơn La trong đó định hướng iện tích cà phê đến năm 2030 trên địa bàn toàn tỉnh ước đạt 25.000 ha, sản lượng ước cà phê nhân ước đạt 40.000 tấn. Thực hiện tái canh 9.800 ha; phát triển cà phê đặc sản 5.950 ha; phát triển vùng nguyên liệu cà phê đạt các tiêu chuẩn bền vững 18.000 ha tập trung tại các huyện: Thuận Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Sốp Cộp, Yên Châu và thành phố Sơn La; - Đề đảm bảo sự phát triển cà phê trên địa bàn tỉnh theo hướng bền vững, gắn với chế biến, bảo vệ môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi Trường đã tham mưu ban hành một số văn bản: 3801/SNN-TTBVTV ngày 11/01/2025 về việc hướng dẫn thu hái cà phê đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng niên vụ 2024; Công văn số 82/SNN-TTBVTV ngày 07/01/2025 về việc chỉ đạo phát triển cà phê theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh Sơn La.
--	---	--

2.28	Đề nghị sớm giải quyết dứt điểm diện tích 619ha của Công ty cổ phần Minh Trang không sử dụng giao lại cho Nhân dân bản Nậm Nghệp quản lý, phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là phát triển du lịch Nậm Nghệp. Lý do: Phần diện tích 619ha Công ty cổ phần Minh Trang được giao quản lý, thực tế Công ty không sử dụng, hiện nay người dân đang sử dụng phục vụ sản xuất.	Theo Kết luận thanh tra số 4065/KL-UBND ngày 07/12/2016 của UBND tỉnh có giao lại cho Công ty tiếp tục sử dụng phần diện tích đất còn lại là 113 ha đã trồng Sơn Tra. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Minh Trang chưa lập phương án đo đạc, xác định mốc giới đối với diện tích khoảng 113 ha Công ty đã đầu tư trồng cây Sơn Tra; chưa lập lại dự án đầu tư, lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với diện tích khoảng 113 ha Công ty đã đầu tư trồng cây Sơn Tra; chưa lập hồ sơ thuê đất đối với diện tích khoảng 113 ha Công ty đã đầu tư trồng cây Sơn Tra. Công ty không xác định được ranh giới chính xác khu đất trồng cây. Theo kết quả kiểm tra, rà soát của UBND huyện Mường La thì trong tổng diện tích 619,341 ha đất giao cho Công ty cổ phần Minh Trang tại bản Nậm Nghệp, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La có: - 21 hộ gia đình, cá nhân tại bản Nậm Nghệp, xã Ngọc Chiến được cấp Giấy chứng nhận lần đầu tại Quyết định số 40/QĐ-UB ngày 22/02/2000 của UBND huyện Mường La (đã được cấp GCNQSDĐ trước khi thu hồi, giao đất cho DNTN Minh Trang); sau đó ngày 14/10/2013, UBND huyện Mường La ban hành Quyết định số 2949/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho 21 hộ gia đình, cá nhân nêu trên với tổng diện tích đất là 264.676,8 m². - 42 hộ gia đình được cấp mới Giấy chứng nhận tại Quyết định số 2949/QĐ-UBND ngày 14/10/2013 của UBND huyện Mường La. Tổng diện tích là 696.011,4 m². Do đó, hiện nay quá trình giải quyết còn vướng mắc về phương án xử lý. - Ngày 26/8/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 362/QĐ-STNMT về việc Kết quả kiểm tra, rà soát quá trình thu hồi đất, giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Tiếp tục theo dõi, giám sát
------	---	---	-----------------------------

	cho Công ty cổ phần Minh Trang và các hộ gia đình, cá nhân tại bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La; việc quản lý, sử dụng khu đất tại bản Nậm Nghiệp, xã Ngọc Chiến, huyện Mường La của Công ty cổ phần Minh Trang. Theo đó, về quản lý, sử dụng đất, Công ty cổ phần Minh Trang chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người sử dụng đất (Thực hiện các biện pháp bảo vệ đất) theo quy định tại khoản 4 Điều 170 Luật Đất đai năm 2013, từ năm 2006 đến nay Công ty không thực hiện triển khai dự án, để các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức tại bản Nậm Nghiệp lấn, chiếm đất với diện tích khoảng 113 ha. Đối với phần diện tích khoảng 506,341 ha đất còn lại, Công ty cổ phần Minh Trang không sử dụng đất, không đầu tư vào đất và từ thời điểm giao đất đến nay, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân của bản Nậm Nghiệp vẫn quản lý, sử dụng để làm nhà ở, ruộng, nương, trồng rừng... Sở Nông nghiệp và Môi trường đang tiếp tục phối hợp, yêu cầu Công ty cổ phần Minh Trang thực hiện rà soát hiện trạng sử dụng đất, lập phương án sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 180 Luật Đất đai năm 2024, nội dung phương án sử dụng đất phải xác định rõ diện tích, ranh giới sử dụng, diện tích từng loại đất được giữ lại sử dụng, thời hạn sử dụng đất, diện tích đất bàn giao cho địa phương.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.29	Xem xét, cho chủ trương đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông từ Đội 2 (bản Suối Nậu xuống bản Tà Phù cũ) để Nhân dân xã Liên Hòa đi lại vào khu sản xuất được thuận tiện hơn, quy mô: khoảng 11km đường giao thông nông thôn loại B, Bn = 5,0m, Bm = 3,5m; kết cấu mặt đường BTXM 250#, tổng mức đầu tư khoảng 40 tỷ đồng. UBND huyện Vân Hồ đã có Tờ	Việc đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông từ Đội 2 (bản suối Nậu xuống bản Tà Phù cũ) theo kiến nghị của cử tri huyện Vân Hồ là cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay nguồn vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 đã được phân bổ hết cho các chương trình dự án nên chưa có nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng tuyến đường bê tông từ Đội 2 (bản suối Nậu xuống bản Tà Phù cũ). Đề nghị huyện Vân Hồ rà soát sự phù hợp với quy hoạch, sự cần thiết đầu tư theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn đưa vào kế hoạch giai đoạn 2026-2030 để xem xét triển khai thực hiện.

	trình số 1344/TTr-UBND ngày 29/5/2024 trình UBND tỉnh và Ban Dân tộc tỉnh.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.30	Xem xét, cho chủ trương đầu tư xây dựng dự án khắc phục, sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0- Km22+700 từ ngã 3 Xuân Nha – Tân Xuân, huyện Vân Hồ, quy mô: Tổng chiều dài tuyến đường L=22,7km, điểm đầu tuyến: Km0+0.00 (trùng với Km18+300 đường tỉnh lộ 102), điểm cuối tuyến: Km22+700 ranh giới giữa huyện Vân Hồ, tỉnh Thanh Hóa với huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Thực hiện Thông báo số 91/TB-VPUB ngày 07/3/2024 về Kết luận của đồng chí Lê Hồng Minh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc kiểm tra tiến độ triển khai một số dự án giao thông trên địa bàn huyện Mộc Châu, huyện Vân Hồ, UBND huyện đã có Tờ trình số 695/TTr-UBND ngày 20/3/2024 trình UBND tỉnh, Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh.	Việc đầu tư xây dựng dự án khắc phục, sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0 - Km22+700 từ ngã 3 Xuân Nha - Tân Xuân, huyện Vân Hồ theo kiến nghị của cử tri huyện Vân Hồ là cần thiết. Tuy nhiên, hiện nay nguồn vốn đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025 đã được phân bổ hết cho các chương trình dự án nên chưa có nguồn kinh phí để đầu tư xây dựng dự án khắc phục, sửa chữa hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km0 - Km22+700 từ ngã 3 Xuân Nha - Tân Xuân, huyện Vân Hồ. Đề nghị huyện Vân Hồ rà soát sự phù hợp với quy hoạch, sự cần thiết đầu tư theo thứ tự ưu tiên và khả năng cân đối nguồn vốn đưa vào kế hoạch giai đoạn 2026-2030 để xem xét triển khai thực hiện.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.31	Đề nghị Sở Giao thông - Vận tải xem xét, có phương án đầu tư nâng cấp, xây rãnh thoát nước đoạn đường Tỉnh lộ 110 từ km3 đến km4 tại tiểu khu 7, xã Nà Bó, khi trời mưa lượng về nước lớn, đất chảy trôi ra đường, không đảm bảo an toàn giao thông.	Sở GTVT (nay là Sở Xây dựng) đã xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2025-2027 tại Công văn số 1994/SGTVT-KHTC ngày 29/6/2024 gửi Sở Tài chính tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó có sửa chữa hư hỏng mặt đường, rãnh thoát nước đoạn Km3 - Km4 theo như kiến nghị cử tri; tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn, dự án chưa được bố trí nguồn vốn để triển khai thực hiện. Sau khi được xem xét, cấp kinh phí thực hiện, sẽ triển khai khắc phục, giải quyết dứt điểm	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	kiến nghị cử tri.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.32	Đề nghị Sở Giao thông - Vận tải thường xuyên quan tâm duy tu, bảo dưỡng tuyến đường tỉnh lộ 107 từ ngã 3 bản Tâu, xã Pá Ma Pha Khinh vào Mường Chiên - Cà Nàng (tuyến đường đã được nâng cấp giải nhựa mới toàn bộ và bàn giao vào 2 cuối năm 2023 để đưa vào sử dụng nhưng đến nay một số đoạn đường đã bị hư hỏng rãnh thoát nước nghiêm trọng do sạt lở Taluy dương và vùi lấp nhiều cống thoát nước qua đường làm cho đất, đá bùn lầy tràn ra mặt đường nhựa gây mất an toàn giao thông đi lại).	Sau khi kiểm tra hiện trường, Sở GTVT (nay là Sở Xây dựng) đã giao Ban QLBT đường bộ chỉ đạo nhà thầu BDTX tuyến ĐT.107B (Công ty TNHH MTV Kinh Đông) kiểm tra, khắc phục sạt lở, sa bồi gây hư hỏng mặt đường, cống, rãnh thoát nước tuyến ĐT.107B theo kiến nghị của cử tri xã Mường Chiên, huyện Quỳnh Nhai. Ngay sau khi xảy ra thiệt hại từ ngày 03/6/2024-05/6/2024 và từ ngày 22/7/2024-01/8/2024, đơn vị thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên thống kê, báo cáo và tập trung huy động nhân lực, thiết bị máy móc khẩn trương thi công hót sứt sa bồi, nạo vét khơi thông cống, rãnh, hoàn trả nguyên trạng nền, mặt đường với khối lượng: 3.507m³/93 vị trí; khối lượng còn lại 3.227m³/79 vị trí đơn vị đang tiếp tục khắc phục hoàn thành trong thời gian sớm nhất có thể. Ngoài ra, đoạn Km0+000-Km25+000, ĐT.107B có chiều dài L=25km thuộc dự án: Đường từ QL.279 - xã Cà Nàng (đoạn QL.279 - xã Mường Chiên), huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, được đầu tư xây dựng từ năm 2021 và bàn giao đưa vào khai thác sử dụng năm 2023, thời gian bảo hành 12 tháng từ 02/01/2024 đến 02/01/2025; do vậy để xử lý các hư hỏng phát sinh trong thời gian bảo hành, Ban QLBT đường bộ đã có văn bản gửi Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT đề nghị sửa chữa khối lượng phát sinh trong thời gian bảo hành. Hiện nay, Sở Xây dựng đang kiểm tra, rà soát kết quả sửa chữa, khắc phục đảm bảo theo quy định hiện hành và ký biên bản xác nhận với UBND xã Mường Chiên để giải quyết dứt điểm kiến nghị của cử tri.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.33	Đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí nguồn vốn để mở và nâng cấp tuyến đường tỉnh lộ 109 từ xã Nậm Păm đi xã Ngọc Chiên.	Tuyến Đường tỉnh 109 (thị trấn Ít Ong – Ngọc Chiên – tiếp giáp với huyện Mường Chai, tỉnh Yên Bái), có tổng chiều dài khoảng 40,8 Km, tuyến đường hiện trạng có quy mô đường cấp IV – V miền núi.	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	Trong đó:	- Tuyến đường đã được đầu tư 02 giai đoạn bằng nguồn vốn đầu tư công: giai đoạn 1 đã hoàn thành, đưa vào sử dụng từ năm 2019; giai đoạn 2 được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 của UBND tỉnh Sơn La, gồm đoạn từ Km 0 – Km 9 + 420m (thị trấn Ít Ong – Năm Păm) và đoạn từ Km 32 + 215 – Km 50 + 800 (trung tâm xã Ngọc Chiến – xã Năm Khắt, huyện Mường Chải), có quy mô xây dựng theo tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi với tổng mức đầu tư 132,946 tỷ đồng. - Đối với đoạn giai đoạn 3 của tuyến Đường tỉnh 109 từ Km 9 + 420m – Km 32 + 215m, hiện nay UBND tỉnh đang đề xuất Dự án “Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 109, tỉnh Sơn La - giai đoạn 3” (chiều dài 23km, quy mô đường cấp IV miền núi) sử dụng nguồn vốn ODA không hoàn lại (600 triệu NDT) của Chính phủ Trung Quốc báo cáo Bộ Tài chính tổng hợp, thông báo tới Chính phủ Trung Quốc xem xét chấp thuận viện trợ (tại Tờ trình số 02/UBND-TH ngày 13/01/2025).		Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.34	Đề nghị UBND tỉnh quan tâm xem xét, bố trí kinh phí xây dựng trụ sở mới cho Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Thuận Châu tại khu đất được quy hoạch (khu Đại học Tây Bắc cũ) đảm bảo kang trang, hiện đại, nhằm phục vụ tốt hơn nữa nhu cầu của cán bộ và Nhân dân đến giao dịch, làm việc.	Sở Tài chính đã nhận được báo cáo của UBND huyện Thuận Châu về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030, trong đó đề xuất dự án xây dựng trụ sở mới cho Đảng ủy, HĐND, UBND thị trấn Thuận Châu giai đoạn 2026 - 2030. Sở Tài chính đã tổng hợp dự án trong quá trình xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030 theo quy định.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.35	Đề nghị Bộ Giao thông - Vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam sớm cấp kinh phí để triển khai kế hoạch sửa chữa đoạn tuyến từ Km71+300-Km80+00 trong kế hoạch bảo	Sở GTVT (nay là Sở Xây dựng) đã trình Cục Đường bộ Việt Nam tại Tờ trình số 2523/TTr-SGTVT ngày 18/8/2024 về việc cho phép sửa chữa đột xuất 02 cầu và bổ sung hệ thống thoát nước và gia cố mở rộng lề đường một số vị trí, đoạn tuyến trên QL.279D và QL.4G, tỉnh		Tiếp tục theo dõi, giám sát

	trì Quốc lộ 279D trong năm 2025.	Sơn La; trong đó có nội dung bổ sung công, rãnh trong đoạn tuyến Km71+300-Km80+000, QL.279D nhằm khắc phục kiến nghị của cử tri. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại Cục Đường bộ Việt Nam chưa có ý kiến trả lời. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở GTVT phối hợp với Bộ Giao thông vận tải, Cục Đường bộ Việt Nam sớm cấp kinh phí để triển khai sửa chữa đoạn tuyến từ Km71+300-Km80+000, QL.279D. Đồng thời, do dự án bảo trì không có kinh phí thực hiện công tác GPMB; do đó, đề nghị UBND huyện Mường La tuyên truyền, vận động Nhân dân hiến đất tạo thuận lợi cho công tác GPMB để xây dựng rãnh.		
3	Lĩnh vực văn hoá - xã hội (07 nội dung)			
3.1	Về giải pháp để nâng cao xếp hạng và các chỉ số chính chuyển đổi số (DTI) trong năm 2023 và những năm tiếp theo: Nghiên cứu, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La. Do hiện nay học sinh lớp 6, lớp 7 đang thực hiện đánh giá xếp loại học sinh cuối năm học (chương trình mới) theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021 của Bộ giáo dục - và đào tạo nên không có các danh hiệu đánh giá học sinh cuối năm học theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh.	Thực hiện ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn 1171/TT-HĐND ngày 03/10/2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu xây dựng hồ sơ, thực hiện quy trình xây dựng Nghị quyết về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong các cơ sở mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục hòa nhập (thay thế Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh), dự kiến sẽ hoàn thành vào quý III/2025.	Tiếp tục theo dõi, giám sát	

3.2	Về giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiếu vật tư, trang thiết bị trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới: Quan tâm và quyết liệt chỉ đạo, phân công cho các sở, ngành có liên quan chủ động phối hợp chặt chẽ với Sở Y tế và các cơ sở y tế thực hiện việc mua sắm, đấu thầu nhằm bảo đảm cung ứng kịp thời thuốc, vật tư tiêu hao, trang thiết bị y tế	Năm 2024 và 02 tháng đầu năm 2025 các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế đã tập trung tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư y tế. Cụ thể: - Việc triển khai đấu thầu cung ứng thuốc: + Mua sắm tập trung thuốc: Sở Y tế đã thực hiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt; hiện đã xây dựng, phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định. + Các gói thầu do các bệnh viện tự tổ chức đấu thầu: Năm 2024, 02 tháng đầu năm 2025, các bệnh viện đã tổ chức đấu thầu 30 gói thầu mua thuốc; tổng số mặt hàng thuốc trúng thầu, cung ứng tại đơn vị là 902 mặt hàng thuốc/1.229 mặt hàng mời thầu, tỷ lệ trúng thầu 73,39%; đang tổ chức đấu thầu 03 gói thầu. - Việc triển khai đấu thầu cung ứng hóa chất, vật tư xét nghiệm + Việc đấu thầu cung ứng vật tư xét nghiệm: Năm 2024, tổ chức đấu thầu 30 gói thầu, số mặt hàng trúng thầu 1.232/1.310 mặt hàng, tỷ lệ trúng thầu 94,04%, giá trị trúng thầu 82.884.656.000 đồng; 02 tháng đầu năm 2025, tổ chức đấu thầu 06 gói thầu, số mặt hàng trúng thầu: 470/540 mặt hàng, tỷ lệ trúng thầu 87,03%, giá trị trúng thầu 44.021.032.275 đồng, đang tổ chức đấu thầu 03 gói thầu. + Việc đấu thầu cung ứng hóa chất: Năm 2024, tổ chức đấu thầu 29 gói thầu, số mặt hàng trúng thầu 1.289/1.325 mặt hàng, tỷ lệ trúng thầu 97,28%, giá trị trúng thầu 77.438.245.000 đồng; 02 tháng đầu năm 2025, tổ chức đấu thầu 03 gói thầu, số mặt hàng trúng thầu: 518/552 mặt hàng, tỷ lệ trúng thầu 93,84%, giá trị trúng thầu 27.771.851.721 đồng. Như vậy, đến thời điểm hiện tại, các bệnh viện trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, hóa chất, vật tư xét nghiệm	Tiếp tục theo dõi, giám sát
-----	---	--	------------------------------------

		phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế, còn thiếu một số trong các nhóm thuốc theo Thông tư 20/2020/TT-BYT như: dịch truyền, thuốc gây tê, gây mê. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Y tế chỉ đạo các bệnh viện khẩn trương rà soát các thuốc, hoá chất, vật tư, thiết bị y tế hiện đang thiếu, khẩn trương tổ chức lựa chọn nhà thầu để đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hoá chất, vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế; tập trung đẩy nhanh tiến độ xem xét, thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua thuốc, hoá chất, vật tư, thiết bị y tế năm 2025 của các đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.3	Đề nghị sớm triển khai đại truyền thanh không dây ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông theo Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh Sơn La.	UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1291/QĐ-UBND ngày 04/6/2025 về việc điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách Trung ương năm 2024, 2025 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch dự kiến sẽ triển khai đầu tư Đài truyền thanh cấp xã ứng dụng CNTT-VT cho các xã xây dựng nông thôn mới của huyện Quỳnh Nhai theo quy định, dự kiến hoàn thành trong quý IV/2025.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.4	Hiện nay người dân đi khám, điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Sơn La mà Bệnh viện không có đủ thuốc và vật tư y tế để khám, điều trị bệnh. Người dân vẫn phải mua thuốc ở ngoài để điều trị bệnh. Do Bệnh viện chưa đầu thầu được thuốc và vật tư y tế. Đề nghị Sở Y tế chỉ đạo Bệnh viện đa khoa tỉnh cho biết lý do tại sao đến thời điểm này chưa đầu thầu được, lý do vướng mắc ở	Năm 2024 và 02 tháng đầu năm 2025 các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế đã tập trung tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư y tế. Đến thời điểm hiện tại, các bệnh viện trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế, còn thiếu một số trong các nhóm thuốc theo Thông tư 20/2020/TT-BYT như: dịch truyền, thuốc gây tê, gây mê do một số mặt hàng không trúng thầu khi tổ chức đấu thầu. Nguyên nhân thiếu thuốc, hóa chất, vật tư y tế chủ yếu do vướng mắc		Tiếp tục theo dõi, giám sát

	đầu, giải pháp giải quyết như thế nào, đến bao giờ thì có vật tư y tế và thuốc để phục vụ người dân đến khám và điều trị bệnh.	về cơ chế chính sách nên không có đủ căn cứ pháp lý để triển khai công tác đấu thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế, thiết bị y tế; kết quả thực hiện cung ứng thuốc đấu thầu tập trung quốc gia còn chậm; các gói thầu của bệnh viện có nhiều mặt hàng không trúng thầu... Sở Y tế đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác đấu thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế; xin ý kiến các Bộ ngành TW về khó khăn, vướng mắc trong công tác đấu thầu. Đến thời điểm hiện tại, các bệnh viện đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đấu thầu 89 gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm; đang tổ chức đấu thầu 06 gói thầu. Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị đề xuất nhu cầu mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương, thực hiện tổng hợp lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch UBND phê duyệt; hiện đã xây dựng, phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định.	
3.5	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, trình HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 140/2020/ NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và trường phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh, cụ thể: Một là, sửa đổi bổ sung điểm b, khoản 3, Điều 1 không giới hạn khung 16.000.000 đồng/tháng/ trường (một khoản tiền công cố định) mà tăng theo số học sinh ăn tập trung từ học sinh thứ 151 trở lên. Hai là, điểm b, khoản 3, Điều 1 thay đổi tăng số tiền công nấu ăn cho mỗi học sinh	Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng hồ sơ đề nghị xây dựng nghị quyết của HĐND tỉnh sửa đổi Nghị quyết số 140/2020/NQ-HĐND ngày 03/9/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ tổ chức nấu ăn cho trường mầm non và phổ thông công lập có học sinh bán trú trên địa bàn tỉnh xin ý kiến các sở, ban, ngành theo khoản 4, Điều 27, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (4. Biên pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương) gửi Sở Tư pháp thẩm định. Theo ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1025/STP-XDKT & TĐTHPL ngày 11/20/2023: Việc Sở Giáo dục và Đào tạo dự kiến trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 là chưa đảm bảo về cơ sở pháp lý để ban hành văn bản do theo	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	từ 64.000 đồng/tháng lên theo tỷ lệ tăng của lương cơ sở. Lý do chưa hợp lý: Một là, số tiền công nấu ăn cho 150 học sinh đầu thì được tăng theo lương cơ sở nhưng từ học sinh thứ 151 trở lên không được tăng theo (nếu được tăng theo sẽ là 77.000 đồng/học sinh khi lương cơ sở là 1.800.000 đồng, là 100.000 đồng/học sinh khi lương cơ sở là 2.340.000 đồng). Hai là, nếu trường đồng học sinh bán trú ăn tập trung mà từ học sinh thứ 401 trở lên, có trường lên đến hơn 500 học sinh bán trú ăn tập trung thì nhân viên nấu ăn cũng không được hưởng thêm tiền công nấu ăn cho học sinh thứ 401 trở lên.	hướng dẫn tại Công văn số 89/BTP VP ngày 11/01/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn về việc xác định nội dung theo khoản 4 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: “Để xác định biện pháp có tính chất đặc thù, cần căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của cơ quan nhà nước ở Trung ương để xác định biện pháp đó đã được quy định để áp dụng chung cho cả nước hay chưa; nếu biện pháp đó chưa được quy định trong VBQPPL hiện hành của cơ quan nhà nước ở Trung ương và xuất phát từ thực tiễn địa phương cần thiết phải chủ động ban hành để giải quyết các vấn đề riêng biệt của địa phương thì được coi là biện pháp có tính chất đặc thù”. Như vậy, nội dung hỗ trợ kinh phí để trường mầm non công lập thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tổ chức nấu ăn tập trung cho trẻ em mầm non ở bán trú đã được quy định tại Nghị định số 105/2020/NĐ-CP, thì sẽ không thuộc biện pháp có chính sách đặc thù của địa phương. Do đó, đến thời điểm hiện tại, việc xây dựng Nghị quyết đang còn một số khó khăn, vướng mắc, chưa thực hiện được các quy trình tiếp theo. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan sớm triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết theo quy định.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.6	- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thường xuyên tổ chức Hội nghị giao ban để rà soát, kịp thời đôn đốc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhất là thúc đẩy giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG. Đôn đốc triển khai thực hiện đẩy nhanh tiến độ; thực hiện giải ngân vốn ngay sau	Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững theo tiến độ hàng tháng; nắm bắt khó khăn, vướng mắc để báo cáo UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình (có Báo cáo hàng tháng). Sở Nông nghiệp và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính xây dựng các báo cáo kết quả thực hiện các CTMTQG tại các cuộc họp Ban chỉ đạo các CTMTQG của tỉnh, trong đó đề xuất với Ban chỉ	

	khí có khối lượng hoàn thành	đạo chỉ đạo các chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân nguồn vốn được giao. Phối hợp với Sở Tài chính đôn đốc các chủ đầu tư rà soát để tổng hợp và đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư, điều chỉnh nguồn vốn đầu tư, điều chỉnh danh mục đầu tư công trung hạn thuộc Chương trình để góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn.	
3.7	- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của các cấp ủy đảng, chính quyền, MTQG và các đoàn thể chính trị - xã hội việc thực hiện chương trình, đề án, kế hoạch giảm nghèo. Nâng cao vai trò của người dân, cộng đồng dân cư trong việc theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các Chương trình MTQG, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với những trường hợp gây lãng phí, thất thoát vốn, tài sản của chương trình, làm xâm hại đến lợi ích của cộng đồng; hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của chương trình đến môi trường sinh sống của cộng đồng.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Công văn số 997/UBND-KGVX ngày 10/3/2024 về việc triển khai thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các cấp, các ngành tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình. Thực hiện Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã chủ trì tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 879/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 về ban hành kế hoạch giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành Kế hoạch số 67/KH-SLĐTBXH ngày 28/5/2024 thực hiện Dự án 7 – Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2024; ban hành Công văn số 1732/SLĐTBXH-BT&PCTNXH ngày 17/10/2024 về việc thông báo nội dung giám sát, đánh giá việc thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững năm 2024. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh và các sở, ngành liên quan thành lập Đoàn giám sát của tỉnh để thực hiện công tác giám sát, đánh giá Chương trình.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
4	Lĩnh vực dân tộc (11 nội dung)		
4.1	Đề nghị Công ty Cổ phần Cao su Sơn La	Đối với những diện tích trồng cây cao su kém hiệu quả và diện tích	Tiếp tục theo

	xem xét trả lại diện tích đất Công ty không sử dụng hoặc sử dụng không hiệu quả cho nhân dân xã Xuân Nha, huyện Vân Hồ.	chưa trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La là 938ha, trong đó tại huyện Vân Hồ là 129,91ha; tỉnh và Tập đoàn CN Cao su Việt Nam đang có lộ trình trả lại cho người dân (trên thực tế những diện tích này đa số người dân vẫn đang sử dụng để làm nương, trồng các loại cây khác). Đề nghị UBND huyện Vân Hồ phối hợp với Công ty xác định lại diện tích, chủ hộ trên các thửa đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để Công ty có cơ sở trả lại đất cho người dân.	đôi, giám sát
4.2	Chỉ đạo chủ động nghiên cứu, rà soát tổng thể các văn bản quy định về cơ chế, chính sách mới của Trung ương, các nghị quyết về cơ chế, chính sách đã trình HĐND tỉnh ban hành để kịp thời xây dựng và ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngay sau khi Chính phủ ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ	Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ tỉnh ủy tại buổi làm việc với ngành nông nghiệp và PTNT ngày 06/3/2024. Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT ngày 27/3/2024, UBND tỉnh Sơn La tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh. UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì tham mưu với HĐND, UBND tỉnh về xây dựng Nghị quyết. Hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Sở NN và MT hoàn thiện dự thảo đề xuất Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND	Tiếp tục theo dõi, giám sát
4.3	Nghiên cứu sớm xây dựng trình ban hành chính sách hỗ trợ các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản tập trung,	Thực hiện Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại buổi làm việc với ngành nông nghiệp và PTNT ngày 06/3/2024. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 77/KH-UBND ngày 12/3/2024 Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	bền vững, ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.	28/02/2020 của HĐND tỉnh. Ngày 27/3/2024, UBND tỉnh Sơn La tổ chức Hội nghị sơ kết 4 năm Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh. Căn cứ Thông báo số 126/TB-VPUB ngày 30/3/2024 của Văn phòng UBND tỉnh thông báo kết luận của đồng chí Nguyễn Thành Công - Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị sơ kết 4 năm thực hiện Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh, trong đó giao Sở Nông nghiệp và PTNT (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) chủ trì phối hợp với các sở ngành đề xuất ban hành chính sách của tỉnh hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó có chính sách hỗ trợ phát triển vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh. Sau khi Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018, Sở NN và MT hoàn thiện dự thảo đề xuất Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND.	
4.4	Đề nghị Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh sớm đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường từ ngã ba bản Phiêng Lòi đi bản Lọng Bong theo Công văn số 2634/UBND-TH ngày 12/7/2022 của UBND tỉnh về việc giao chủ đầu tư các dự án thuộc ngân sách cấp tỉnh thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2022 (về hướng tuyến đề nghị giữ nguyên hướng tuyến đường cũ để	UBND tỉnh đã phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án tại Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 20/01/2025. Ban QLDA ĐTXD các công trình NN&PTNT đã trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi ngày 19/02/2025. Dự kiến dự án được phê duyệt trước 30/3/2025; lập và phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trước 15/5/2025; lựa chọn nhà thầu xây lắp trước 30/6/2025; hoàn thành dự án bàn giao đưa vào sử dụng trước 30/01/2026.	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	đường không bị ngập và bảo vệ được ruộng lúa của Nhân dân).		
4.5	Cử tri các xã có diện tích trồng cây cao su đề nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình góp đất trồng cây cao su để ổn định đời sống.	Chương trình phát triển trồng cao su trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2007-2024 được triển khai ở 6 huyện, diện tích cây cao su toàn tỉnh năm 2023 là 5.262ha, diện tích cho sản phẩm là 4.324ha, sản lượng 3.800 tấn; trong đó tại huyện Thuận Châu là 1.541ha, diện tích cho sản phẩm là 1.432ha, sản lượng 1.402 tấn. Tổng số cán bộ, người lao động 848 người, thu nhập bình quân 5,81 triệu đồng/tháng. Giai đoạn 2007 - 2024, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ phát triển cây cao su với tổng kinh phí hỗ trợ là 192.338,8 triệu đồng, trong đó kinh phí cho người dân góp đất trồng cao su là 131.564,4 triệu đồng, góp phần giúp người dân chuyển đổi cây trồng, có thêm thu nhập trong thời gian kiến thiết cơ bản. Đến nay, diện tích trồng cao su đã sang thời kỳ kinh doanh, người trồng cao su có thu nhập, tuy nhiên thời điểm này do diễn biến thị trường, giá mủ cao su xuống thấp dẫn đến phân chia sản phẩm mủ cao su thấp, ảnh hưởng đến thu nhập người trồng cao su. UBND tỉnh đã tổ chức nhiều cuộc làm việc với Tập đoàn cao su Việt Nam, Công ty cổ phần cao su Sơn La bàn các giải pháp tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao thu nhập cho người trồng cao su; giao các sở, ngành, UBND các huyện tập trung hỗ trợ người dân bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia nhằm ổn định đời sống cho nhân dân. Việc cử tri đề nghị tỉnh có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các hộ gia đình góp đất trồng cao su để ổn định đời sống là chính đáng, tuy nhiên hiện nay nguồn ngân sách tỉnh còn khó khăn, do đó thời điểm này chưa ban hành chính sách hỗ trợ cho người trồng cao su. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu cho UBND tỉnh phối hợp với Tập đoàn cao su Việt Nam và chỉ đạo các sở ngành,	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		UBND các huyện cùng với người trồng cao su tập trung chăm sóc nâng cao chất lượng vườn cây cao su nhằm nâng cao năng suất, tăng thu nhập cho người dân trồng cây cao su.	
4.6	Đề nghị Công ty Cổ phần cao su Sơn La sớm giải quyết trả lại diện tích đất trồng cây cao su kèm hiệu quả để Nhân dân sử dụng vào việc sản xuất, phục vụ đời sống.	UBND tỉnh đã giao Sở Tài Nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và PTNT, UBND huyện Quỳnh Nhai phối hợp với Công ty Cổ phần cao su Sơn La giải quyết kiến nghị cử tri. - Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Hướng dẫn số 09/HD-STNMT hướng dẫn Trình tự, thủ tục bàn giao lại diện tích đất cho các hộ dân đã góp đất trồng cây cao su với Công ty Cổ phần cao su Sơn La; Ngày 28/02/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 611/STNMT-DD&ĐDDĐ gửi UBND các huyện: Vân Hồ, Mường La, Quỳnh Nhai, Thuận Châu, Mai Sơn, Yên Châu và Công ty Cổ phần cao su Sơn La để đơn đốc triển khai và báo cáo tiến độ thực hiện các thủ tục bàn giao lại diện tích đất các hộ dân góp đất trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La; Ngày 14/3/2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã mời Công ty Cổ phần cao su Sơn La về họp để nghe báo cáo tiến độ, khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các thủ tục bàn giao lại diện tích đất cho các hộ dân góp đất trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh Sơn La. - Ngày 26/02/2024 Công ty Cổ phần cao su Sơn La đã có Công văn trả lời nội dung như sau: Hiện tại theo chủ trương của UBND tỉnh Sơn La và Tập đoàn CN cao su Việt Nam đang phối hợp rà soát đất để trả lại cho các hộ góp đất trồng cây cao su những diện tích đất không trồng, trồng kém hiệu quả. Sau khi thống nhất được danh sách và diện tích của người dân Công ty báo cáo UBND tỉnh Sơn La và Tập đoàn CN cao su Việt Nam để trả lại cho người dân. Hiện nay Công ty và UBND huyện Quỳnh Nhai đã làm việc và lập biên bản bàn giao số liệu cho phòng TN&MT, phòng Nông nghiệp, phòng Đăng ký đất đai	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		huyện để tiến hành rà soát số liệu và thống nhất với UBND huyện về nội dung phương án trả lại đất.	
		Chỉ đạo Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Sơn La:	
4.7	(1) Khảo sát, lập phương án nạo vét, cải tạo hồ Nà Bó, hiện tại, khối lượng đất bồi đắp rất lớn, lòng hồ bị thu hẹp không đảm bảo lượng nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt hàng ngày cho Nhân dân các bản, tiểu khu nơi hạ du.	Công trình thủy lợi hồ Nà Bó, xã Nà Bó được đầu tư cải tạo, sửa chữa hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 4/2020. Hiện trạng lòng hồ do nước mưa, lũ kéo theo bùn đất gây bồi đắp lòng hồ với khối lượng bùn đất ước khoảng 150.000m³. Để đảm bảo đủ điều kiện thực hiện nạo vét đất bồi đắp lòng hồ, hiện đang giao UBND xã Nà Bó, Chi nhánh thủy lợi tại Mai Sơn tìm vị trí bãi đổ thải. Tuy nhiên, sau thời gian rà soát, khảo sát diện tích, địa điểm bãi đổ thải cho công tác nạo vét lòng hồ trên địa bàn xã Nà Bó, kết quả là chưa tìm được địa điểm phù hợp. Để thực hiện công tác lập dự án nạo vét bùn đất bồi lắng lòng hồ Nà Bó, Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi hiện đang đề nghị UBND xã Nà Bó, Chi nhánh thủy lợi tại Mai Sơn tiếp tục khảo sát, tìm địa điểm bãi đổ thải với khối lượng khoảng 150.000m³. Sau khi thống nhất được vị trí bãi đổ thải, Công ty sẽ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ dự án nạo vét lòng hồ trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
4.8	(2) Khảo sát, lập phương án đầu tư cải tạo, khôi phục lại lòng hồ, tăng khả năng chứa nước tạo điều kiện để Nhân dân 03 bản phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Lý do: Trên địa bàn bản Bon có 01 hồ chứa nước đã được xây dựng từ năm 2008 với diện tích mặt nước khoảng 6ha, cung cấp nước cho Nhân dân bản Bon, bản Ô Tra và bản Lầm Cút. Tuy nhiên, do quá trình xói ụi	Hiện trạng lòng hồ chứa bị bồi lắng bùn đất làm giảm dung tích chứa nước. Chi nhánh thủy lợi tại Mai Sơn đã phối hợp với UBND xã Mường Bon khảo sát vị trí điểm đổ thải tại bãi 6 thuộc bản Tà Xa xã Mường Mon, vị trí này có diện tích khoảng 16ha, đất do UBND xã quản lý, chưa giao cho hộ gia đình, đủ điều kiện làm bãi đổ thải khi thực hiện dự án cải tạo, sửa chữa, nạo vét bùn đất, đá lòng hồ Bản Bon. Hiện nay, Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi đang phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường lập phương án đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện trong giai đoạn	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	trồng cây cao su và làm đường nên khối lượng đất đá lớn đã vùi lấp lòng hồ, thu hẹp diện tích chứa nước.	2025-2030.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
4.9	Đề nghị tiếp tục quan tâm chế độ hỗ trợ sản xuất cho Nhân dân thuộc vùng di dân tái định cư thủy điện Sơn La, tạo việc làm và ổn định cuộc sống (hiện nay trên địa bàn huyện Quỳnh Nhai đã được quan tâm đầu tư nhiều chính sách hỗ trợ sản xuất theo hướng hàng hóa và nâng cấp sửa chữa các cơ sở hạ tầng theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La, tuy nhiên đời sống của một số hộ dân thuộc vùng ven hồ còn gặp nhiều khó khăn, chưa có điều kiện ổn định đời sống, phát triển sản xuất, tạo việc làm cho người dân do thiếu đất sản xuất và ảnh hưởng bởi sạt lở đất, lũ ống, lũ quét).	Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018, với tổng mức đầu tư của Đề án là 5.141 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư hỗ trợ sản xuất 2.110 tỷ đồng; sắp xếp ổn định dân cư 400 tỷ đồng; sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng 2.154 tỷ đồng. Hiện nay Chính phủ mới chỉ cân đối được nguồn vốn để thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng. Để hoàn thành mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho người dân ổn định đời sống, sản xuất một cách bền vững, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm bố trí vốn để triển khai thực hiện công tác hỗ trợ phát triển sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thuộc Đề án; tuy nhiên đến nay vẫn chưa được giao vốn để thực hiện. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ cân đối nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ sản xuất cho Nhân dân thuộc vùng di dân tái định cư thủy điện Sơn La, tạo việc làm và ổn định cuộc sống		Tiếp tục theo dõi, giám sát
4.10	Đề nghị sớm triển khai hỗ trợ sản xuất theo Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La.		Đề án ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018, với tổng mức đầu tư của Đề án là 5.141 tỷ đồng, trong đó: Vốn đầu tư hỗ trợ sản xuất 2.110 tỷ đồng; sắp xếp ổn định dân cư 400 tỷ đồng; sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng 2.154 tỷ đồng. Hiện nay Chính phủ mới chỉ cân đối được nguồn vốn	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	để thực hiện các dự án sửa chữa, nâng cấp các công trình hạ tầng. Để hoàn thành mục tiêu của Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm tạo điều kiện cho người dân ổn định đời sống, sản xuất một cách bền vững, UBND tỉnh đã có nhiều văn bản gửi Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm bố trí vốn để triển khai thực hiện công tác hỗ trợ phát triển sản xuất và sắp xếp ổn định dân cư cho các hộ dân thuộc Đề án; tuy nhiên đến nay vẫn chưa được giao vốn để thực hiện. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục kiến nghị với các Bộ, ngành Trung ương báo cáo Thủ tướng Chính phủ cân đối nguồn vốn để thực hiện hỗ trợ sản xuất cho Nhân dân thuộc vùng di dân tái định cư thủy điện Sơn La, tạo việc làm và ổn định cuộc sống	Tiếp tục theo dõi, giám sát
4.11	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng: (1) Kiểm tra, trả lời kiến nghị của cử tri bản Cọ, phường Chiềng An về thanh toán chi trả dịch vụ môi trường rừng theo chủ trương và Hạt Kiểm lâm huyện Mai Sơn tổ chức làm việc với cử tri có kiến nghị và kiểm tra hiện trường xác định quy mô diện tích, đánh giá hiện trạng rừng và tình hình chi trả dịch vụ môi trường rừng theo chủ trương của khu vực kiến nghị cử tri. Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp - giao rừng năm 2001, tại phường Chiềng An, thành phố Sơn La: Khu vực kiến nghị của cử tri có tổng quy mô diện tích là 5,19 ha rừng phòng hộ nằm trong khoảnh 2, tiểu khu 291, gồm 10 lô được giao cho 10 chủ rừng (là 10 cử tri có kiến nghị) quản lý, bảo vệ. Theo hồ sơ chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2023 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, khu vực kiến nghị của 10 cử tri có 3,8ha đủ điều kiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng; hình thức chi trả theo nhóm hộ (gồm 4 nhóm hộ). Đã yêu cầu các Trưởng nhóm chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho 10 hộ gia đình theo quy định.	

	ranh giới giữa hai xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La với xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn, đến năm 1993 được thành lập bản mới (đặt tên là Nậm Tròn - bản 100% người Mông di chuyển từ huyện Thuận Châu về định cư) được bản Phường chuyển giao canh tác bảo vệ và sử dụng ổn định không có tranh chấp. Tuy nhiên, quá trình rà soát để phục vụ chi trả dịch vụ môi trường rừng thì mới phát hiện khu rừng trên bị điều chỉnh sang huyện Mai Sơn thuộc địa giới hành chính của xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn. Nay đề nghị chuyển số kinh phí chi trả dịch vụ môi trường rừng cho bản Nà Ngần; điều chỉnh địa giới hành chính giữa hai xã đúng với thực tế sử dụng đất (bản thành lập mới do sáp nhập bản Nậm Tròn và bản Nà Ngần từ tháng 7/2019) để chi trả công quản lý và bảo vệ rừng.	(2) Đối với kiến nghị của cử tri xã Chiềng Ngần: Theo hồ sơ giao đất lâm nghiệp - giao rừng năm 2001: Khu vực kiến nghị của cử tri xã Chiềng Ngần nằm trên địa bàn của xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn (không thuộc ranh giới hành chính của xã Chiềng Ngần, thành phố Sơn La) có quy mô diện tích khoảng 168,79 ha rừng phòng hộ, nằm trong 12 lô thuộc khoảng 1 và khoảng 3, tiểu khu 295 được nhà nước giao cho 4 chủ rừng là: Cộng đồng bản Ít Có; Cộng đồng bản Mạt và 02 hộ gia đình (Lò Văn Bính và Cà Văn Pánh) quản lý bảo vệ. Theo hồ sơ chi trả dịch vụ môi trường rừng xã Mường Bằng, huyện Mai Sơn năm 2023: Trong tổng 168,79 ha đất lâm nghiệp thuộc khu vực kiến nghị của cử tri xã Chiềng Ngần có 88,92ha đủ điều kiện chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng là: Cộng đồng bản Lương Mạt; Cộng đồng bản Phang Hùm Có và UBND xã Mường Bằng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp về “Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng bao gồm: (1) Chủ rừng được quy định tại Điều 8 của Luật này; (2) Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hợp đồng nhận khoán bảo vệ và phát triển rừng với chủ rừng là tổ chức do Nhà nước thành lập; (3) UBND cấp xã và tổ chức khác được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật”. UBND tỉnh sẽ tiếp tục chỉ đạo Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện Mai Sơn tổ chức nghiệm thu, đánh giá hiện trạng rừng và đất rừng hiện có làm cơ sở chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho các chủ rừng đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật Lâm nghiệp.
--	--	---

II	Thông báo số 360/TB-TTĐND ngày 10/12/2024 của Thường trực HĐND tỉnh			
1	Lĩnh vực kinh tế - ngân sách (03 nội dung)			
	Về các vấn đề liên quan đến Tiểu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La: Đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Công Thương			
1.1	Xây dựng kế hoạch cụ thể của ngành để thực hiện đảm bảo tiến độ triển khai Tiểu dự án.	Sở Công Thương đã tham mưu trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn tỉnh Sơn La năm 2025 tại Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 28/2/2025, với các mục tiêu và nhiệm vụ chính như sau: Mục tiêu: phấn đấu hết năm 2025 tỷ lệ hộ được sử dụng điện sinh hoạt đạt trên 99,5%, trong đó: Tỷ lệ hộ được sử dụng điện sinh hoạt an toàn đạt 99%. Nhiệm vụ: năm 2025 phấn đấu đầu tư cấp điện cho 10.443 hộ. Trong đó đầu tư mới cho 5.604 hộ, nâng cấp đầu tư điện an toàn cho 4.839 hộ. Cụ thể: (1) Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La do Sở Công Thương làm chủ đầu tư cấp điện cho 2.962 hộ, trong đó đầu tư mới cho 452 hộ, nâng cấp đầu tư điện an toàn cho 2.510 hộ. (2) Các huyện đầu tư cấp điện cho 2.481 hộ, trong đó đầu tư mới cho 152 hộ, nâng cấp đầu tư điện an toàn cho 2.329 hộ. (3) Ngành điện đầu tư phát triển công tơ mới 5.000 hộ.	Tiếp tục theo dõi, giám sát	
1.2	Chủ động phối hợp với các huyện, thành phố trong việc bố trí các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn các huyện, thành phố. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để thực hiện các dự án cấp điện nông thôn trên địa bàn mà đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.	Dự kiến ngân sách năm 2025 thực hiện chương trình điện nông thôn là: 146.679 triệu đồng. Trong đó: Tiêu dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Sơn La là 66.734 triệu đồng; Dự án các huyện làm chủ đầu tư 73.445 triệu đồng (bằng các nguồn vốn Chương trình 1719, Chương trình giảm nghèo bền vững, Chương trình nông thôn mới, ngân sách huyện); Ngành điện đầu tư phát triển công tơ mới 6.500 triệu đồng.	Tiếp tục theo dõi, giám sát	

1.3	Chỉ đạo Công ty Điện lực Sơn La rà soát lại các Trạm biến áp đã xuống cấp và đầu tư các Trạm biến áp mới để đáp ứng việc sử dụng điện an toàn của người dân, đồng thời cũng nhằm giảm tải việc tiêu hao điện để tránh quá tải lưới điện, đặc biệt trong giờ cao điểm; tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng điện tiết kiệm và an toàn.	Sở Công Thương tham mưu với UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình cấp điện nông thôn tỉnh Sơn La năm 2025 tại Quyết định số 454/QĐ-UBND ngày 28/02/2025. Theo đó, tại Tiểu mục 6 - Mục V của Quyết định có nội dung giao Công ty Điện lực Sơn La: “Chủ động thực hiện các dự án đầu tư ngành điện như dự án đầu tư lưới điện, cải tạo lưới điện an toàn, nâng cấp cáp điện nông thôn... do ngành điện làm chủ đầu tư”. - Ngày 14/4/2025, Sở Công Thương ban hành Công văn số 818/SCT-QLCN đề nghị Công ty Điện lực Sơn La thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện đảm bảo cấp điện an toàn, ổn định. Trong đó tập trung vào 2 nhiệm vụ: (1) Đối với nội dung cải tạo, nâng cấp hệ thống điện: Kiểm tra, rà soát, lập kế hoạch cải tạo, nâng cấp đối với các trạm biến áp và hệ thống đường dây điện không đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu phụ tải, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư, khu vực sử dụng nhiều thiết bị điện phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản và khu vực phát triển du lịch, lưu trú. (2) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về sử dụng điện an toàn, tiết kiệm đến các khách hàng, đặc biệt trong mùa nắng nóng, thời điểm nhu cầu sử dụng điện cao nhất trong năm. - Kết quả thực hiện: + Năm 2025 Công ty Điện lực Sơn La đang triển khai nhiều dự án nâng cao khả năng cấp điện, xuất tuyến sau các trạm biến áp 110kV mới xây dựng, nâng công suất, lắp đặt MBA T2; nâng cao chất lượng lưới điện trung hạ áp, cải tạo chống quá tải, nâng công suất các trạm biến áp nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng điện áp, nâng cao chất lượng điện năng, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện ngày càng cao của người dân,	Tiếp tục theo dõi, giám sát
-----	--	--	-----------------------------

		nâng cao việc sử dụng điện an toàn của người dân 38 dự án với tổng mức đầu tư năm 2025 là 313,916 tỷ đồng, với kết quả đạt được: Đã hoàn thành 21 công trình, với số vốn 144,710 tỷ đồng; đang triển khai thực hiện 11 công trình, với tổng số vốn 152,122 triệu đồng; chuẩn bị đầu tư 6 công trình, với tổng số vốn 17,085 tỷ đồng. + Công tác tuyên truyền tới người dân, doanh nghiệp về việc sử dụng điện tiết kiệm và an toàn: (1) Công tác triển khai phong trào “Toàn dân tiết kiệm năng lượng hưởng ứng Giờ Trái đất 2025” theo Công văn số 682/UBND-KT ngày 18/02/2025 của UBND tỉnh Sơn La. Thời gian bắt đầu từ 20h30’ đến 21h30’ ngày 22/3/2025, sản lượng tiết kiệm trong thời gian diễn ra sự kiện là 18.211 kWh. (2) Công tác triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả cho học sinh Tiểu học và THCS trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025, tổ chức Chương trình tại 05 đơn vị trường học (01 trường Tiểu học và 04 trường THCS, TH&THCS) với số lượng 3.540 cán bộ, giáo viên và học sinh tham gia (đạt 100% kế hoạch năm 2025). (3) Thực hiện tuyên truyền sử dụng điện tiết kiệm, an toàn và hiệu quả trên truyền hình: 06 lượt; trên loa truyền thanh: 972 lượt; trên báo giấy, báo điện tử: 19 lượt; Qua mạng xã hội: 77 lượt; Tận dụng tối đa các kênh trực tiếp giao dịch với KH để tuyên truyền như: Các phòng giao dịch khách hàng, tổ cụm điện lực, các quầy thu tiền điện, đoàn kiểm tra cao điểm tới: 9.470 lượt.	
2	Lĩnh vực văn hoá - xã hội (02 nội dung)		
	Về giải pháp cho việc thiếu hụt nhân lực y tế tuyến xã, nhất là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhằm đảm bảo nhân lực y tế cơ sở để thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân:		

	Đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Y tế		
2.1	Nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh, bổ sung mức thu hút, khuyến khích để có bác sĩ về công tác tại các trạm Y tế xã và tuyến y tế cơ sở. Nghiên cứu chính sách hỗ trợ kinh phí cho con em trên địa bàn tỉnh đang được đào tạo bác sĩ tại các trường có cam kết trở về công tác tại các Trạm Y tế xã	- Hiện nay Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quyết định số 853/QĐ-UBND ngày 15/4/2025 về việc phân bổ chỉ tiêu bác sĩ, được sử về công tác tại các cơ sở y tế công lập năm 2025 được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 122/2019/NQ-HĐND ngày 6/12/2019 của HĐND tỉnh. Đề đảm bảo tỉ lệ bác sĩ/vạn dân thực hiện đúng theo kế hoạch được Tỉnh uỷ, UBND tỉnh giao và tuyển dụng, thu hút đủ bác sĩ về làm việc tại tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là tuyến xã thì việc tiếp tục ban hành chính sách thu hút, khuyến khích bác sĩ, được sử về công tác tại tỉnh là cần thiết. Tuy nhiên, để thống nhất với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Sở Y tế dự kiến xây dựng dự thảo Nghị quyết mới theo hướng bỏ tuyến huyện, chỉ áp dụng đối với tuyến tỉnh và tuyến xã (các đơn vị y tế công lập); đồng thời đề xuất điều chỉnh mức thu hút, khuyến khích đối với bác sĩ, được sử về công tác tại tỉnh và bổ sung cơ chế phối hợp giữa Sở Y tế và cấp xã trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết khi chuyển toàn bộ Trạm Y tế xã về UBND cấp xã quản lý. - Đối với chính sách hỗ trợ kinh phí cho con em trên địa bàn tỉnh đang được đào tạo bác sĩ tại các trường có cam kết trở về công tác tại các Trạm Y tế xã, Sở Y tế dự kiến vận dụng việc hỗ trợ đào tạo bác sĩ theo Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1719/QĐTTg ngày 14/10/2021 của Thủ	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		trưởng Chính phủ.			Tiếp tục theo dõi, giám sát
2.2	Chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các huyện, thành phố trong việc tham mưu đào tạo bác sĩ theo hình thức cử tuyển, đồng thời làm tốt công tác tuyên truyền về đào tạo bác sĩ cử tuyển để nâng cao nhận thức trong cộng đồng, xã hội và nhân dân về đào tạo bác sĩ cử tuyển làm việc tại các Trạm Y tế xã, nhất là các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn	Sở Y tế đã ban hành nhiều văn bản đề nghị UBND các huyện, thành phố phối hợp thực hiện đề xuất chỉ tiêu đào tạo bác sĩ cử tuyển, tuy nhiên theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo thì các địa phương đến nay đều chưa đề xuất nhu cầu đào tạo bác sĩ cử tuyển. Sở Y tế sẽ tiếp tục nghiên cứu, triển khai sau khi có văn bản hướng dẫn mới của cấp có thẩm quyền về đào tạo cử tuyển khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.			
3	Lĩnh vực dân tộc (03 nội dung)				
	Về giải pháp tháo gỡ khó khăn liên quan tới triển khai trong công tác phòng chống dịch bệnh cho động vật trên địa bàn tỉnh: Đề nghị đồng chí Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường				
3.1.	Chỉ đạo UBND các huyện, thành phố giao các Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường thực hiện kiểm soát giết mổ trên địa bàn để góp phần đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.	Chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường đôn đốc, hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố chỉ đạo thực hiện công tác kiểm soát giết mổ; Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản hướng dẫn Trung tâm Kỹ thuật Nông nghiệp, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thực hiện công tác kiểm soát giết mổ, kết quả đã kiểm soát giết mổ được số lượng: 2.612 con đại gia súc, 23.440 con tiểu gia súc, 12.167 con gia cầm. Trong thời gian tới việc tổ chức sắp xếp bỏ cấp huyện, chính quyền cấp xã mới đi vào hoạt sẽ chỉ đạo phân cấp, ủy quyền nhiệm vụ kiểm soát giết mổ cho cấp xã quản lý và thực hiện			Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.2	Chủ động phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát, sắp xếp, điều	Thực hiện các văn bản của cấp có thẩm quyền như: Kế hoạch số 141/KHBCĐTKNQ18 ngày 06/12/2024 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về định hướng sắp xếp tỉnh			Tiếp tục theo dõi, giám sát

	động cán bộ có chuyên ngành về chăn nuôi, thú y từ các đơn vị khác đến công tác tại phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Kinh tế thành phố để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước về thú y.	gọn tổ chức bộ máy của Chính phủ; Kế hoạch số 111-KH/BCĐ ngày 11/12/2024 của Ban Chỉ đạo 398 Tỉnh ủy sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị; Công văn số 05/CVBCĐTKNQ18 ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Kết luận số 1293-KL/TU ngày 09/01/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc triển khai xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các hội quán chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ,.... Do đó Sở Nông nghiệp và PTNT chưa tham mưu cho các cấp trong việc xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức, bộ máy của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản. Mặt khác thực hiện Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Do vậy việc tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo UBND các huyện, thành phố rà soát, sắp xếp, điều động cán bộ có chuyên ngành về chăn nuôi, thú y từ các đơn vị khác đến công tác tại Phòng Nông nghiệp và PTNT không thực hiện. Trong thời gian tới khi chính quyền 02 cấp đi vào hoạt động, sẽ chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ động tham mưu cho cấp có thẩm quyền để thực hiện tốt hơn nhiệm vụ quản lý nhà nước về thú y trên địa bàn	Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.3	Chủ động tham mưu cho các cấp trong việc xây dựng Đề án kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản để đảm bảo đáp ứng với nhiệm vụ được giao.		
III	Báo cáo số 227/BC-TTHĐND ngày 29/11/2024 của Thường trực HĐND tỉnh		
1	Lĩnh vực kinh tế - ngân sách (03 nội dung)		
1.1	Đề nghị sớm triển khai dự án tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc	Dự án Tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La được HĐND tỉnh phê duyệt churu trương đầu tư tại Nghị quyết số	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	biệt Nhà tù Sơn La tại khu vực đồi Khau Cả để ổn định đời sống của 78 hộ dân nằm trong khu vực quy hoạch.	15/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 với tổng mức đầu tư 20.000 triệu đồng, thời gian thực hiện năm 2023 - 2025. Tuy nhiên do gặp vướng mắc về quy hoạch, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 241/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 về việc dừng thực hiện chủ trương đầu tư dự án Tu bổ, tôn tạo Khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. UBND tỉnh đã có Tờ trình số 260/TTr-UBND ngày 22/5/2025 gửi Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch về việc thẩm định nhiệm vụ lập Điều chỉnh Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị Di tích quốc gia đặc biệt Nhà tù Sơn La, UBND tỉnh sẽ giao các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, đề xuất chủ trương đầu tư dự án trình cấp có thẩm quyền quyết định.	
1.2	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu trình HĐND tỉnh ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ điện chiếu sáng tại các xóm, bản,... cho khu dân cư ở khu vực nông thôn để góp phần xây dựng nông thôn mới (đối với khu vực đô thị thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 01/11/2021 về ban hành chính sách hỗ trợ chi trả tiền điện chiếu sáng tại các đường ngõ, xóm thuộc các tổ, bản, tiểu khu thuộc đô thị trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022-2025).	Việc ban hành chính sách khuyến khích, hỗ trợ điện chiếu sáng tại các đường xóm, bản... cho khu vực nông thôn sẽ góp phần tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc ban hành chính sách khuyến khích công trình điện chiếu sáng giữa khu vực thành thị và nông thôn. Hiện nay, Sở Công thương đang tổng hợp số liệu về đường giao thông nông thôn và hiện trạng công trình chiếu sáng đối với đường giao thông nông thôn để dự kiến mức kinh phí hỗ trợ, xin ý kiến Sở Tài chính trước khi trình UBND tỉnh báo cáo Thường trực HĐND tỉnh cho phép xây dựng Nghị quyết.	Tiếp tục theo dõi, giám sát

1.3	Do ảnh hưởng cơn bão số 02, tuyến đường Tỉnh lộ 117 hiện nay đã xuống cấp trầm trọng, hư hỏng nhiều đoạn, có nơi sụt lún gần 1m, nhiều phương tiện đi lại khó khăn. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo quan tâm, chỉ đạo đầu tư sửa chữa.	Do ảnh hưởng của cơn bão số 2 từ đêm 23/7/2024 đến 8h sáng ngày 26/7/2024 tại đoạn Km2+883-Km2+949/ĐT.117 bị lún trượt nền, mặt đường gây hư hỏng hoàn toàn mặt đường với chiều dài L=66m, chiều sâu lún bình quân 1,0m; nguyên nhân do mưa trên địa bàn với cường lực lớn, mái ta luy dương tích nước gây ra cung trượt có phạm vi rộng (cách đỉnh mái ta luy nền đường là 30m), độ sâu của cung trượt lớn. Trước khi có kiến nghị của cử tri xã Chiềng Chung, huyện Mai Sơn, Sở GTVT (nay là Sở Xây dựng) đã kiểm tra hiện trường và chỉ đạo xác định nguyên nhân sụt lún và tìm biện pháp khắc phục. Tuy nhiên do cung trượt gây sụt lún nền đường trên có phạm vi rộng, khả năng khắc phục triệt để gặp nhiều khó khăn và kinh phí khắc phục rất lớn; trước mắt Sở đã chỉ đạo Ban QLBT đường bộ và nhà thầu thường xuyên kiểm tra và san gạt mặt đường tạo êm thuận phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân. Trong thời gian tới UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo theo dõi các vị trí sụt lún, thường xuyên bố trí san gạt phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân, khi các vị trí sụt lún ổn định sẽ xem xét cấp kinh phí khắc phục triệt để theo kiến nghị của cử tri.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
2	Lĩnh vực văn hoá - xã hội (03 nội dung)		
2.1	Theo Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” quy định mục tiêu đến năm 2025: “Phấn đấu ít nhất 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục	Đề giải quyết khó khăn trong đào tạo nghề cho học sinh không được tuyển vào các trường THPT, các TTGDTX. UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND các huyện, thành phố, thị xã bám sát chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các Chương trình mục tiêu quốc gia đề xuất các giải pháp phù hợp hỗ trợ lao động nông thôn. Từ đó giúp người dân, người lao động nói chung và thanh niên, học sinh nói riêng tích cực tham gia vào chương trình tạo việc làm, đào tạo nghề của tỉnh, thu hút lao động vào làm việc.	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp; đối với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 30%”. Hiện nay, các trường THPT chỉ tuyển 70% số học sinh tốt nghiệp THCS vào học tại trường. Số học sinh không được tuyển vào các trường THPT (các xã đặc biệt khó khăn là 30%) gặp khó khăn trong việc đào tạo nghề, không có việc làm rất dễ mắc các tệ nạn xã hội. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo ngành giáo dục và đào tạo nghiên cứu, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong đào tạo nghề cho học sinh không được tuyển vào các trường THPT.	UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025” trong các cơ sở giáo dục phổ thông năm 2025; Kế hoạch đào tạo nghề cho lao động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025; nhằm thực hiện hiệu quả các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề; nâng cao chất lượng đào tạo nghề nghiệp đảm bảo nguồn nhân lực có chuyên môn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động; khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về nguồn lực lao động ở địa phương. Đào tạo nghề để đề tạo việc làm, đáp ứng nhu cầu học nghề của lao động, tăng thu nhập cho người lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, thực hiện công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, xoá đói giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới.	
2.2	Đề nghị Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét mở rộng quy mô trường, lớp học cấp trung học phổ thông trên địa bàn huyện Mai Sơn. Những năm gần đây, kế hoạch tuyển sinh của các trường trung học phổ thông trên địa bàn huyện Mai Sơn (cũ) ít hơn so với thực tế, chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của học sinh sau khi hoàn thành chương trình trung học cơ sở (năm học 2023 – 2024 số lượng học sinh tốt nghiệp THCS của huyện Mai Sơn là 3.108 học sinh; trong khi đó số học sinh được tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024 – 2025 tại	Để mở rộng quy mô trường, lớp học cấp trung học phổ thông trên địa bàn huyện Mai Sơn nói riêng và trên toàn tỉnh nói chung thì cần có những điều kiện đảm bảo như: đội ngũ giáo viên; cơ sở vật chất, trang thiết bị, diện tích mặt bằng,.... Trong những năm qua, Sở Giáo dục và Đào tạo đã rất tích cực trong việc nghiên cứu, đề xuất, tham mưu UBND tỉnh ban hành các chính sách, giải pháp căn cơ nhằm từng bước tháo gỡ khó khăn trên như: - Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 24/8/2020 của UBND tỉnh về ban hành Đề án tăng cường đầu tư cơ sở vật chất thực hiện Chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông giai đoạn 2021-2025; - Kế hoạch 167/KH-UBND ngày 13/8/2020 của UBND tỉnh về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên đáp ứng yêu cầu triển khai chương trình giáo dục phổ thông và tiêu chuẩn của hạng chức danh nghề	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	các trường trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện chỉ có 1.465 học sinh, có lại các em phải học các huyện khác hoặc không tiếp tục theo học).	nghiệp của giáo viên mầm non, phổ thông giai đoạn 2021-2025; - Quyết định số 613/QĐ-UBND ngày 08/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên giai đoạn 2021 - 2025; - Quyết định số 348/QĐ-UBND ngày 2/3/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch xây dựng trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025; Tuy nhiên với điều kiện kinh tế xã hội, địa hình hiện có của tỉnh Sơn La chưa mở rộng quy mô ngay được. Mặt khác, trong hai năm gần đây, UBND tỉnh đã giao chỉ tiêu cho các cơ sở giáo dục đạt trên 70%, điều này vừa phù hợp với điều kiện hiện tại (từng bước mở rộng quy mô trường lớp) vừa thực hiện mục tiêu phân luồng học sinh theo Đề án 522 của Chính phủ và Nghị quyết 09 của Tỉnh ủy. Trong thời gian tới, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục nghiên cứu, tham mưu các giải pháp căn cơ để mở rộng trường lớp đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên địa bàn tỉnh, vừa đảm bảo mục tiêu phân luồng, hướng nghiệp.	
2.3	Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc khi người dân tham gia Bảo hiểm y tế nhưng đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện vẫn phải mua thuốc, vật tư y tế ở bên ngoài.	Năm 2024 và 02 tháng đầu năm 2025 các bệnh viện trực thuộc Sở Y tế đã tập trung tổ chức đấu thầu mua sắm thuốc, hóa chất, vật tư y tế. Đến thời điểm hiện tại, các bệnh viện trên địa bàn tỉnh cơ bản đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu, hóa chất, vật tư xét nghiệm phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế, còn thiếu một số trong các nhóm thuốc theo Thông tư 20/2020/TT-BYT như: dịch truyền, thuốc gây tê, gây mê do một số mặt hàng không trúng thầu khi tổ chức đấu thầu. Nguyên nhân thiếu thuốc, hóa chất, vật tư y tế chủ yếu do vướng mắc về cơ chế chính sách nên không có đủ căn cứ pháp lý để triển khai công	Tiếp tục theo dõi, giám sát

		tác đầu thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế, thiết bị y tế; kết quả thực hiện cung ứng thuốc đầu thầu tập trung quốc gia còn chậm; các gói thầu của bệnh viện có nhiều mặt hàng không trúng thầu... Sở Y tế đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị thực hiện công tác đầu thầu mua thuốc, hóa chất, vật tư y tế; xin ý kiến các Bộ ngành TW về khó khăn, vướng mắc trong công tác đầu thầu. Đến thời điểm hiện tại, các bệnh viện đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức đầu thầu 89 gói thầu mua thuốc, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm; đang tổ chức đầu thầu 06 gói thầu. Sở Y tế đã chỉ đạo các đơn vị đề xuất nhu cầu mua sắm thuốc tập trung cấp địa phương, thực hiện tổng hợp lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu trình Chủ tịch UBND phê duyệt; hiện đã xây dựng, phát hành hồ sơ mời thầu theo quy định. Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo Sở Y tế chỉ đạo các bệnh viện rà soát các thuốc, hóa chất, vật tư, thiết bị y tế đang thiếu, khẩn trương tổ chức đầu thầu khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, hóa chất, vật tư y tế phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo quyền lợi của người dân tham gia bảo hiểm y tế.			Tiếp tục theo dõi, giám sát
3	Lĩnh vực dân tộc (02 nội dung)		Ngày 06/6/2025 Chi cục Chăn nuôi Thú y và Thủy sản đã có buổi làm việc với UBND huyện Phù Yên (đại diện Phòng Nông nghiệp và Môi trường) và Đảng ủy, HĐND, UBND xã Tường Tiến về nội dung kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp thứ 9, kỳ họp thứ 10 HĐND tỉnh khóa XV nhiệm kỳ 2021-2026. Kết quả làm việc các thành phần tham gia thống nhất không kiến nghị ban hành cơ chế hỗ trợ đặc thù cho các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản (cá lồng) của xã Tường Tiến, huyện Phù Yên.		
3.1	Đề nghị UBND tỉnh nghiên cứu, trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ đặc thù cho các hộ gia đình nuôi trồng thủy sản (cá lồng) để người dân yên tâm nuôi trồng thủy sản tại vùng lòng hồ Sông Đà.				

		Lý do: - Các cơ chế, chính sách của tỉnh về đầu tư, hỗ trợ, phát triển về lĩnh vực nông nghiệp, trong đó có lĩnh vực thủy sản đang được triển khai có hiệu quả như: Nghị quyết số 88/2014/NQ-HĐND ngày 17/9/2014 của HĐND tỉnh về việc ban hành Chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp, HTX đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2015 - 2020; Nghị quyết số 57/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017 về chính sách hỗ trợ phát triển các loại cây trồng vật nuôi, thủy sản và chế biến, tiêu thụ nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2021; Nghị quyết số 76/2018/NQ-HĐND ngày 04/4/2018 của HĐND tỉnh Sơn La về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2018 - 2021; Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 28/02/2020 của HĐND tỉnh về ban hành chính sách khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp nông thôn trên địa bàn tỉnh Sơn La đã và đang triển khai hiệu quả. - Trên địa bàn huyện Phù Yên, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 723/QĐ-UBND ngày 02/4/2025 về việc phê duyệt Đề án phát triển thủy sản bền vững trên địa bàn huyện năm 2025, định hướng đến năm 2030 và lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình giảm nghèo bền vững, chương trình hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số, các chương trình dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác phù hợp với quy định của pháp luật để hỗ trợ phát triển thủy sản trên địa bàn huyện.		Tiếp tục theo dõi, giám sát
3.2	Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo Công ty TNHH MTV quản lý, khai thác công trình thủy lợi Sơn La quan tâm duy tu, sửa chữa các công	1. Đối với xã Xím Vàng, huyện Bắc Yên: - Công trình sửa chữa thủy lợi Háng Tàu, bản Háng Chơ: Đã triển khai thi công xong công trình và đưa vào sử dụng.		

	trình Thủy lợi trên địa bàn các bản Háng Chơ, bản Xím Vàng xã Xím Vàng; bản Trang Dưa Hạng, xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên... qua nhiều năm sử dụng đã xuống cấp, hư hỏng nhiều, ko sử dụng được, cần thiết phải sửa chữa.	- Công trình sửa chữa thủy lợi Cửa Mang 2, bản Háng Chơ: Đã triển khai thi công từ ngày 05/6/2025, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2025. - Công trình sửa chữa thủy lợi suối Xím Vàng 1, bản Xím Vàng: Đã khởi công trong tháng 6 và dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2025. 2. Đối với xã Làng Chếu, huyện Bắc Yên: - Công trình thủy lợi Háng C9, bản Trang Dưa Hạng: Công trình bị sạt lở 18m kênh, hiện tại chỉ nhánh thủy lợi Bắc Yên phối hợp cùng xã, bản đã xử lý khắc phục lấp đặt ống nhựa HDPE F200 để đủ cung cấp nước tưới cho bà con trong bản. Công ty cập nhật công trình thủy lợi Háng C9 đưa vào danh mục bảo trì năm 2026. - Công trình Sửa chữa thủy lợi Cáo B1 - Sông Chóng, bản Háng Cao: Đã triển khai thi công, dự kiến hoàn thành trong tháng 7/2025.	
IV	Báo cáo số 249/BC-TTHĐND ngày 28/02/2025 của Thường trực HĐND tỉnh		
1	Lĩnh vực kinh tế - ngân sách (04 nội dung)		
1.1	Đề nghị Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông sớm thực hiện bồi thường, đền bù cho Nhân dân bị ảnh hưởng bởi dự án nâng cấp, cải tạo tuyến đường Bắc Yên (QL37) - Mường La (QL279) qua địa bàn bản Nong Luông, xã Chiềng San, huyện Mường La. Lý do: Hiện nay, dự án đã tạm ứng mặt bằng thi công nhưng chưa thực hiện đền bù cho người dân.	Trên địa phận bản Nong Luông, xã Chiềng San, huyện Mường La tổng số hộ bị ảnh hưởng bởi dự án là 126 hộ, trong đó 54 hộ đã được phê duyệt và nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; 12 hộ đang thẩm định, phê duyệt. Còn lại 60 hộ chưa trình được phương án bồi thường (do có 03 hộ chưa nhất trí phương án bồi thường và 57 hộ có một số thửa đất vướng mắc về sản xuất nông nghiệp trên đất lâm nghiệp đã giao cho cộng đồng, các hộ dân thực tế đang sử dụng đất lâm nghiệp mang tên hộ khác...), hiện UBND huyện Mường La đang rà soát, thẩm định nguồn gốc chưa có thông báo kết quả cụ thể để lập, hoàn thiện phương án bồi thường. Hiện nay, Chủ đầu tư đang tập trung đôn đốc, phối hợp với các cơ quan liên quan và huyện Mường La để tháo gỡ các vướng mắc còn	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	lại về nguồn gốc đất theo đề nghị của xã Chiềng San; đồng thời đơn đốc Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh (đơn vị thực hiện công tác GPMB) tập trung đẩy nhanh tiến độ công tác GPMB, hoàn thiện phương án đối với các hộ đủ điều kiện để trình thẩm định, đồng thời chủ động lập phương án đối với 57 hộ còn lại, để khi UBND huyện Mường La có kết luận có thể hoàn thiện ngay hồ sơ phương án bồi thường trình thẩm định, phê duyệt (được hộ nào sẽ trình ngay hộ đó), để sớm hoàn thành công tác GPMB, đảm bảo quyền lợi cho các hộ dân bị ảnh hưởng. Vì vậy, trong thời gian tới, đề nghị cử tri và nhân dân bản Nong Luông xã Chiềng San tiếp tục phối hợp kịp thời với các cơ quan liên quan trong việc xác minh nguồn gốc, xác nhận số liệu công khai phương án bồi thường hỗ trợ làm cơ sở cho Trung tâm phát triển quỹ đất hoàn thiện phương án bồi thường, hỗ trợ trình, thẩm định phê duyệt để chỉ trả cho các hộ dân thời gian sớm nhất; đồng thời đề nghị các hộ dân đồng thuận, không cản trở và bàn giao mặt bằng để triển khai thi công đáp ứng tiến độ hoàn thành dự án.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
1.2	Tiếp tục thực hiện dự án kè suối Nậm La đoạn từ Bản Hải đến cầu Tông Panh xã Chiềng Xôm, thành phố Sơn La do mỗi khi mưa xuống gây ngập úng khu sản xuất và đường vào nghĩa trang của Bản Hải.	Dự án Kè suối Nậm La (đoạn từ Hồ Tuổi trẻ đến Cầu Tông Panh) là công trình phục vụ tiêu thoát lũ, điều tiết dòng chảy trên dòng suối Nậm La đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh mục dự án tại Quyết định số 666/QĐ-TTg ngày 31/5/2018 với tổng mức đầu tư 157.000 triệu đồng. Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 276/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 với tổng mức đầu tư sau điều chỉnh là 267.638 triệu đồng. UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh dự án tại Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 01/8/2024, trong đó tiếp tục đầu tư xây dựng tuyến bờ kè trái tổng chiều dài khoảng 442,58m, điểm đầu tại vị trí hết khu dân cư theo quy hoạch cọc 26A Km4 + 652,38m

		(điểm cuối kê bê tông cốt thép của dự án đã được phê duyệt tại vị trí hết khu dân cư theo quy hoạch), điểm cuối kết nối với mố cầu Tông Panh cọc 62 (Km5 + 095,34m). Dự án đã được UBND tỉnh giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách tỉnh để thực hiện dự án tại Quyết định số 884/QĐ-UBND ngày 19/4/2025 và phê duyệt bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu tại Quyết định số 915/QĐ-UBND ngày 25/4/2025. Chủ đầu tư đã lựa chọn và ký hợp đồng nhà thầu tư vấn khảo sát lập hồ sơ KTBVTC, hiện đang tiếp tục thực hiện các nội dung theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt.	
1.3	Chỉ đạo thực hiện chuyển đổi một phần diện tích khu nhà B Trường Cao đẳng Y tế Sơn La để xây dựng nhà Văn hóa Tổ 4, phường Chiềng Lè để Nhân dân có nhà văn hóa sinh hoạt và hoàn thành chỉ tiêu Đại hội Đảng bộ Phường, thành phố về xây dựng nhà văn hóa.	Theo ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 3354/STC-QLGCS ngày 19/9/2024 thì Tại Đề án số 08-ĐA/TU ngày 19/02/2023, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt chủ trương Trường Chính trị đạt chuẩn mức 1 và phần đầu đến năm 2030 đạt chuẩn mức 2 trong đó giao Trường Chính trị tiếp nhận toàn bộ diện tích đất cơ sở vật chất và các tài sản trang thiết bị hiện có của Trường Trung cấp luật Tây Bắc cũ. Từ năm 2023 - 2025, Trường Chính trị đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trên phần diện tích 4,62 ha đất giao cho Trường Chính trị. Từ sau năm 2025, thực hiện bàn giao phần đất và cơ sở vật chất trên đất (ngoài 4,6 ha của Trường Chính trị) cho Trường Cao đẳng y tế. Như vậy, sau khi Trường Cao đẳng y tế được nhận và đầu tư hoàn thành trụ sở mới, đề nghị UBND thành phố Sơn La trao đổi, xin ý kiến Trường Cao đẳng y tế về nhu cầu quản lý, sử dụng trụ sở cũ tại tổ 4, phường Chiềng Lè.	Tiếp tục theo dõi, giám sát
1.4	Trên địa bàn tổ 03 phường Chiềng Lè có Công ty Dược Phẩm đã giải thể từ năm 2019, khu đất này được giao cho Tập đoàn	Sở Tài chính đang giải quyết đơn khiếu nại của Công ty cổ phần được vật tư y tế Sơn La liên quan đến việc chấm dứt chủ trương đầu tư dự án. Theo đó, sau khi Sở Tài chính hoàn thành việc giải	Tiếp tục theo dõi, giám sát

	299 thực hiện dự án, sau đó doanh nghiệp dùng không thi công nhiều năm nay, gây ảnh hưởng đến môi trường, mỹ quan đô thị. Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét chuyển mục đích sử dụng khu đất để thực hiện một số hạng mục công trình (xây dựng khuôn viên vườn hoa, cây xanh, chỗ để xe...) tạo cảnh quan, môi trường phục vụ cho du khách đến thăm quan khu di tích lịch sử Đền thờ Vua Lê Thái Tông.	quyết khiếu nại, Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu xử lý về đất đai theo quy định.	
--	--	---	--

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com